

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

---

**ĐỀ ÁN**  
**ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN**  
**NGÀNH LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VĂN –**  
**TIẾNG VIỆT**

**Mã số: 62140111**

**THANH HOÁ, NĂM 2016**

## MỤC LỤC

<b>Phần thứ nhất: Sự cần thiết phải xây dựng đề án</b>	4
1. Giới thiệu về Trường Đại học Hồng Đức	
2. Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt tại Thanh Hóa và các vùng lân cận	13
3. Kết quả đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt tại trường đại học Hồng Đức	15
4. Khoa Khoa học Xã hội – Đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt	17
5. Lí do đề nghị cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt	19
<b>Phần thứ hai: Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh</b>	22
1. Căn cứ lập đề án	22
2. Mục tiêu đào tạo	22
3. Nguồn tuyển	25
4. Thời gian và hình thức tuyển sinh	25
5. Đối tượng tuyển sinh	25
6. Thời gian đào tạo, số lượng học viên, điều kiện tốt nghiệp	28
<b>Phần thứ ba: Năng lực đào tạo của trường đại học Hồng Đức</b>	30
1. Quyết định cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt	30
2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng	31
2.1. Đội ngũ giảng viên	31
2.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	40
2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học	54
2.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	68
<b>Phần thứ tư: Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, chuyên đề ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt</b>	70

1. Chương trình đào tạo	70
1.1. Khái quát chương trình đào tạo	70
1.2. Tóm tắt chương trình đào tạo	74
1.3. Khung chương trình	75
1.4. Dự kiến kế hoạch đào tạo	82
2. Đề cương chi tiết các học phần ở trình độ tiến sĩ	83
2.1. Các học phần bắt buộc	83
2.2. Các học phần tự chọn – Chọn 2/5 học phần	90
3. Đề cương chi tiết các chuyên đề ở trình độ tiến sĩ	105
4. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	133
5. Hướng dẫn thực hiện chương trình	134
6. Tài liệu tham khảo	136
<b>Phần thứ năm: Phụ lục</b>	137
<b>Phụ lục 1:</b> Quyết định về việc cho phép trường Đại học Hồng Đức mở đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt và 13 chuyên ngành Thạc sĩ; 02 QĐ cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Nông nghiệp.	137
<b>Phụ lục 2:</b> Biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng KH&ĐT trường đại học Hồng Đức; QĐ ban hành Chương trình đào tạo của Hiệu trưởng; Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường đại học Hồng Đức.	
<b>Phụ lục 3:</b> Biên bản kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.	
<b>Phụ lục 4:</b> QĐ thành lập Ban xây dựng Đề án; QĐ thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT; Biên bản của Hội đồng thẩm định CTĐT, các phiếu thẩm định và 2 bản nhận xét của phản biện.	
<b>Phụ lục 5:</b> Phiếu điều tra nhu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt; Biên bản Hội thảo CTĐT; Lý lịch khoa học, văn bằng của đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt	
<b>Phụ lục 6:</b> Quyết định phê duyệt; Biên bản nghiệm thu đề tài khoa học; bài báo của giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.	



**Phần thứ nhất**  
**SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**1.1. Chức năng, nhiệm vụ**

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/TTg ngày 24 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập đa ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hồng Đức có nhiệm vụ đào tạo cán bộ có chất lượng cao gồm: đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học; cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu của các địa phương; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của Tỉnh và các địa phương khác trong cả nước.

Từ khi thành lập đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định cho phép Trường mở 38 ngành đào tạo bậc đại học, cao đẳng; 2 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 13 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ:

- Quyết định số 3619/QĐ-BGDĐT ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, mã số 62 20 01 21.

- Quyết định số 4065/QĐ-BGDĐT ngày 30/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng, mã số 62 62 01 10.

- Quyết định số 4238/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng, mã số 60 62 01 10.

- Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT ngày 07/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, mã số 60 22 01 02.

- Quyết định số 5645/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Toán giải tích, mã số 60 46 01 02.

- Quyết định số 5280/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, mã số 60 22 01 21.

- Quyết định số 1119/QĐ-BGDĐT ngày 22/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-tiếng Việt, mã số 60 14 01 11.

- Quyết định số 1105/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Vật lí lí thuyết và Vật lí toán, mã số 60 44 01 03.

- Quyết định số 5001/QĐ-BGDĐT ngày 25/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Vật lí chất rắn, mã số 60 44 01 04.

- Quyết định số 1586/QĐ-BGDĐT ngày 6/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, mã số 60 22 03 13.

- Quyết định số 09/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Phương pháp toán sơ cấp, mã số 60 46 01 13.

- Quyết định số 4503/QĐ-BGDĐT ngày 14/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, mã số 60 34 01 02.

- Quyết định số 487/QĐ-BGDĐT ngày 11/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Thực vật học, mã số 60 42 01 11.

- Quyết định số 1050/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, mã số 60 14 01 14.

- Quyết định số 4826/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học máy tính, mã số 60 48 01 01.

Với chức năng chủ yếu là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học công nghệ nhằm phát triển Nhà trường, góp phần phát triển kinh tế xã

hội của đất nước. Trường Đại học Hồng Đức có nhiệm vụ đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà trước hết là cho tỉnh Thanh Hóa. Nhà trường đã thực hiện tốt mục tiêu chất lượng đào tạo đa ngành với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế - QTKD, Kỹ thuật – Công nghệ và Nông lâm ngư nghiệp với đầy đủ các bậc đào tạo; từng bước khẳng định được mô hình đào tạo của một trường đa ngành trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân.

## **1.2. Cơ cấu tổ chức**

Hiện tại, bộ máy tổ chức của Nhà trường gồm có Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, Hội đồng Khoa học & Đào tạo, 11 Phòng, 3 Ban chức năng và 12 Khoa, 6 Trung tâm và Trạm Y tế, 51 bộ môn quản lý chuyên môn trực thuộc các khoa đào tạo. Cụ thể như sau:

### **1.2.1 Hệ thống các Khoa đào tạo**

Trường hiện có 12 Khoa đào tạo:

- Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
- Khoa Kỹ thuật-Công nghệ
- Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp
- Khoa Khoa học Tự nhiên
- Khoa Khoa học Xã hội
- Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông
- Khoa Giáo dục Tiểu học
- Khoa Giáo dục Mầm non
- Khoa Ngoại ngữ
- Khoa Lí luận Chính trị
- Khoa Tâm lí Giáo dục
- Khoa Giáo dục thể chất

### **1.2.2 Hệ thống các Phòng, Ban, Trung tâm:**

#### **1.2.2.1 Hệ thống các Phòng, Ban:**

- Phòng Tổ chức cán bộ
- Phòng Quản lý Đào tạo
- Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học
- Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ
- Phòng Quản trị vật tư và thiết bị
- Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng

- Phòng Thanh tra
- Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên
- Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Phòng Hành chính tổng hợp
- Phòng Hợp tác quốc tế
- Ban Quản lí Nội trú
- Ban Quản lí Dự án xây dựng
- Ban Bảo vệ.

#### **1.2.2.2 Hệ thống các Trung tâm:**

- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
- Trung tâm Giáo dục quốc tế
- Trung tâm Thông tin và Thư viện
- Trung tâm Phát triển đào tạo và Hỗ trợ học tập
- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học và Công nghệ
- Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Trạm Y tế.

### **1.3. Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức từ ngày thành lập đến nay (1997-2016)**

#### **1.3.1. Về đào tạo**

##### **1.3.1.1. Đào tạo thạc sĩ**

Năm 2007, Trường Đại học Hồng Đức được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ. Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, Nhà trường đã được phép tổ chức đào tạo 13 chuyên ngành, 447 học viên đã tốt nghiệp, 447 học viên và 8 NCS đang theo học, số liệu cụ thể như sau:

**Bảng 1. Số lượng học viên đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ các chuyên ngành:**

<i>TT</i>	<i>Tên chuyên ngành</i>	<i>QĐ năm</i>	<i>Số HV đã tốt nghiệp</i>	<i>Số HV, NCS đang học</i>	<i>Ghi chú</i>
	<b><i>Trình độ tiến sĩ</i></b>				
<i>1</i>	<i>Khoa học cây trồng</i>	<i>2014</i>		<i>2</i>	
<i>2</i>	<i>Văn học Việt Nam</i>	<i>2014</i>		<i>8</i>	



	<i>Trình độ thạc sĩ</i>				
1	Khoa học cây trồng	2007	92	48	
2	Toán giải tích	2008	136	47	
3	Ngôn ngữ Việt nam	2008	39	13	
4	Văn học Việt Nam	2009	101	27	
5	Lí luận & PPDH bộ môn Văn-tiếng Việt	2012	37	19	
6	Lịch sử Việt Nam	2013	25	43	
7	Vật lí LT & Vật lí toán	2013	27	41	
8	Vật lí chất rắn	2013		26	Tuyển sinh từ 2014
9	Phương pháp toán sơ cấp	2014		45	Tuyển sinh từ 2014
10	Quản trị kinh doanh	2014		86	Tuyển sinh từ 2015
11	Thực vật học	2015		21	Tuyển sinh từ 2015
12	Quản lý giáo dục	2015		31	Tuyển sinh từ 2015
13	Khoa học máy tính				Tuyển sinh từ 2016
			447	455	

### ***1.3.1.2. Đào tạo đại học, cao đẳng***

Từ khi thành lập đến nay, qui mô đào tạo đại học, cao đẳng của Nhà trường ngày một tăng; hình thức đào tạo, cơ cấu ngành nghề liên tục được nghiên cứu điều chỉnh; ngành nghề đào tạo bậc đại học được phát triển vững chắc, gắn với nhu cầu xã hội; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng lên. Trong 17 năm qua, số ngành đào tạo bậc đại học của nhà trường tăng gần gấp 13 lần, từ 3 ngành (năm học 1998-1999) lên 38 ngành (năm học 2013-2014); ngành đào tạo bậc cao đẳng tăng từ 17 lên 22 ngành; khối Sư phạm tăng từ 2 lên 12 ngành; khối Nông lâm nghiệp từ 1 lên 7 ngành; khối Công nghệ từ 1 lên 8 ngành; khối Kinh tế ban đầu chỉ đào tạo cao đẳng đến nay đã đào tạo 4 ngành đại học. Số sinh viên hệ chính qui tăng từ 3.486 sinh viên (năm 1997) lên 8.368 sinh viên (năm 2014).

Từ năm 2002, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở rộng vùng tuyển sinh tới các tỉnh phía Bắc. Hiện đã có sinh viên của các tỉnh, thành trong cả nước về học tập tại Trường. Nhà trường chú trọng đổi mới chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng phát triển các ngành thuộc khối Kỹ thuật - Công

nghệ... ; phân đầu đến năm 2020, quy mô đào tạo của Trường được mở rộng với 12.600 học sinh sinh viên, trong đó có 50 nghiên cứu sinh, 500 học viên cao học, 11.300 sinh viên đại học, 3.000 sinh viên cao đẳng.

Sau 18 năm đào tạo, Nhà trường đã cung cấp cho tỉnh Thanh Hoá và các địa phương trong cả nước một đội ngũ cán bộ, nhà giáo, nhà quản lý giáo dục đông đảo với hơn 35.150 sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng (trong đó có 16.896 giáo viên Trung học có trình độ đại học, cao đẳng). Bên cạnh đó, Trường cũng đã và đang đào tạo hơn 480 lưu học sinh cho tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào (145 sinh viên đã tốt nghiệp về nước); liên kết mở nhiều lớp bồi dưỡng Cán bộ quản lý Giáo dục, quản lý Doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý cho Tỉnh; đóng góp tích cực cho ngành Giáo dục ở Thanh Hoá trong công cuộc đổi mới, cải cách giáo dục, thay đổi chương trình, sách giáo khoa các cấp phổ thông.

### ***1.3.2. Về nghiên cứu khoa học***

Nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của trường đại học, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thường xuyên chú trọng. Đến nay, cán bộ giảng viên Nhà trường đã thực hiện được 7 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 39 đề tài cấp Bộ, 48 đề tài cấp tỉnh, 10 đề tài dự án cấp Bộ, 6 đề tài cấp ngành và 486 đề tài cấp cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nhà trường và phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Cán bộ giảng viên nhà trường đã công bố 898 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có 62 bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế. Năm 2008, Nhà trường được Bộ Văn hóa Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản *Tạp chí khoa học* có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện *Tạp chí khoa học* của nhà trường đã xuất bản được 20 số với hàng trăm bài báo có chất lượng được các nhà khoa học đầu ngành của các Viện, trường đại học phản biện độc lập, trong đó có 6 số giành cho Khoa học Xã hội và Nhân văn.

### ***1.3.3. Về hợp tác quốc tế***

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trên cơ sở bám sát các văn bản pháp quy của nhà nước về hoạt động đối ngoại, trường Đại học Hồng Đức đã thực hiện phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực để tập trung xây dựng nhà trường theo định hướng và chiến lược phát triển.

### ***1.3.3.1. Công tác thiết lập, xây dựng quan hệ quốc tế***

Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với hơn 50 trường đại học ở Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, CHLB Đức, Niu Di-lân, Ôxtrâyliia, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Hà Lan, Bỉ...; thiết lập được mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế như Tổ chức Hỗ trợ Đại học Thế giới – WUDC (Canada), Tổ chức Project Trust (Vương quốc Anh), Chương trình Fulbright tại Việt Nam, phòng Văn học Thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Nhật Bản (SCJ), Tổ chức Giáo dục Quốc tế AEI (Tây Ban Nha)... Đến nay, Nhà trường đã đón 524 lượt khách quốc tế từ các trường đại học và các tổ chức quốc tế trên đến làm việc tại trường.

### ***1.3.3.2. Các hoạt động hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học***

- Về đào tạo cán bộ, thông qua các kí kết hợp tác, Nhà trường đã tranh thủ được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các cá nhân, các tổ chức giáo dục, các tổ chức phi chính phủ, cử được 236 lượt cán bộ đi học tập, công tác, tham quan, học tập kinh nghiệm theo chương trình hợp tác với nước ngoài; tiếp nhận 34 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường.

Bằng các nguồn học bổng của đề án và các chương trình hợp tác quốc tế, Trường đã cử 160 giảng viên, sinh viên và học viên đi đào tạo đại học và sau đại học tại 59 trường Đại học, Học viện của 18 nước, vùng lãnh thổ như Đại học Okayama (Nhật); Đại học Minh Chuan, NTUST (Đài Loan); các trường Đại học Hoàng Gia Suvarnabuhmi, Thanyaburi, Chulalongkorn, Học viện Công nghệ châu Á – AIT (Thái Lan); Đại học Wollongong (Úc); Đại học Oklahoma (Hoa Kỳ); Đại học Vrije Brussel (Vương quốc Bỉ); Đại học Wageningen (Hà Lan); Đại học Gottingen (CHLB Đức); Đại học Địa Trung Hải (CH Pháp); Đại học Greenwich (Anh); ...

Thông qua các chương trình hợp tác nhà trường đã tranh thủ được nhiều điều kiện thuận lợi, nguồn học bổng và sự chia sẻ kinh nghiệm trong quản lí đào tạo, nghiên cứu khoa học,... góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên. CBGV nhà trường có dịp được tiếp cận với các điều kiện, môi trường nghiên cứu khoa học tiên tiến, hiện đại; có kiến thức thực tế về đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học; có cơ hội học tập, tiếp thu những kinh nghiệm tiên tiến trong việc xây dựng, thiết kế các chương trình đào tạo.

Về hợp tác đào tạo, năm 2006, Nhà trường được UBND Tỉnh Thanh Hóa giao thực hiện đề án “Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng ngân sách địa phương” (tỉnh Thanh Hoá cấp vốn). Nhà trường đã thực hiện kí kết hợp đồng đào tạo với gần 30 trường đại học có uy tín trong khu vực và thế giới để gửi gần 300 cán bộ, giảng viên đi đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài. Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện hợp tác đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh với đại học Hoàng gia Thái Lan (RMUTT) tại đại học Hồng Đức theo công thức 2+2.

Về hội thảo khoa học, Nhà trường đã phối hợp tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc tế như: Phối hợp với tổ chức VAT (Ôxtrâylia) tổ chức hội thảo về phương pháp, chiến lược giảng dạy tiếng Anh; phối hợp với tổ chức WUSC tổ chức hội thảo khoa học cho giáo viên dạy Tiếng Anh; phối hợp với tổ chức Fullbright tổ chức các hội thảo *Mô hình các trường đại học địa phương tại Việt Nam, Quản trị đại học địa phương tại Việt Nam; Biến đổi khí hậu toàn cầu...* Trong 17 năm qua, nhà trường đã cử 87 lượt cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế. Các cuộc hội thảo quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ giảng viên nhà trường có thêm cơ hội mở rộng tầm nhìn, đổi mới tư duy, tạo nên những động lực mới cho việc mở rộng các hoạt động hợp tác của nhà trường.

Về hợp tác thực hiện dự án, Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả nhiều Dự án hợp tác quốc tế, chẳng hạn:

- Dự án Trung tâm giáo dục Nông nghiệp (AEC) với Canada (hoàn thành năm 2004)
- Dự án Phòng chống ma túy trong trường sư phạm với UNDP (hoàn thành năm 2005)
- Dự án Hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học với trường Đại học Cộng đồng Tidewater - Hoa Kỳ, (hoàn thành năm 2006)
- Hỗ trợ phát triển Chương trình đào tạo các Trường Đại học Nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu do Hà Lan tài trợ, (hoàn thành năm 2009)
- Xây dựng Trung tâm đào tạo tiếng Việt tại tỉnh Hua Phăn, Cộng hòa DCND Lào (hoàn thành năm 2010)

- Dự án “Ứng dụng quy trình sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hoá” hợp tác với đại học Hoàng gia Thái Lan (RMUTT) (hoàn thành năm 2010);

- Dự án “Tuyển chọn một số giống lúa thuần có năng suất chất lượng cao của Trung Quốc phù hợp với điều kiện Thanh Hoá” hợp tác với trường Đại học Hải Dương, Trung Quốc (hoàn thành năm 2011); đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp bản quyền giống lúa Hồng Đức 9 và đưa vào sản xuất từ năm 2011.

Các dự án trên đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đồng thời, thông qua hợp tác, phương pháp tư duy, trình độ lí luận, kiến thức và kinh nghiệm của một bộ phận CBGV nhà trường đã được nâng lên. Nhà trường đã tranh thủ được nhiều điều kiện thuận lợi, nhiều sự giúp đỡ đáng quý của các đối tác dành cho công tác NCKH, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, thí nghiệm, tài liệu khoa học, cơ sở hỗ trợ học tập.

#### ***1.3.4. Về đội ngũ***

Về đội ngũ, Trường Đại học Hồng Đức hiện có 748 cán bộ, 523 giảng viên cơ hữu, trong đó có: 14 Phó giáo sư, 93 tiến sĩ, 276 thạc sĩ, tỉ lệ cán bộ có trình độ sau đại học đạt trên 62,0%, trong đó riêng ngành Ngữ văn khoa KHXH có 6 PGS, 12 TS, 9 ThS.

Ngoài ra, Nhà trường hiện có 59 cán bộ đang làm NCS và 86 cán bộ đang học thạc sĩ ở trong nước và nước ngoài. Ngành Ngữ văn có 01 ứng viên phó giáo sư, 8 NCS thuộc các chuyên ngành.

#### ***1.3.5. Cơ sở vật chất và các công tác khác***

##### ***1.3.5.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất***

Công tác xây dựng cơ sở vật chất được Nhà trường đầu tư đáng kể, ngày càng khang trang, được kiên cố hóa tại 3 cơ sở: Cơ sở chính, cơ sở II và Trung tâm Giáo dục quốc phòng với diện tích hơn 70 ha. Hiện tại, nhà trường có 140 phòng học tiêu chuẩn, 26 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, 01 nhà học đặc thù, 20 phòng máy vi tính nối mạng, hệ thống mạng thông tin (không dây và có dây) được phủ kín trong trường đảm bảo cho học viên, sinh viên học trên lớp, tự học và rèn nghề. Hệ thống phòng học khang trang đáp ứng cho quy mô 16.000 sinh viên học tập và nghiên cứu. Kí túc xá hiện có 1.800 chỗ, đảm bảo cho 22,5% sinh viên có chỗ ở nội trú.

Thư viện được trang bị giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu với 5.450 đầu sách và tạp chí (132.313 cuốn tiếng Việt; 3.777 cuốn ngoại văn, 200 cuốn tạp chí khoa học chuyên ngành); 48.155 số báo tiếng Việt, 4.900 số báo ngoại văn, 162 đĩa CD cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước.

### ***1.3.5.2 Công tác đào tạo tiếng Anh***

Nhà trường liên tục tổ chức và liên kết tổ chức cho cán bộ, giảng viên trong trường học đại học văn bằng 2 tiếng Anh, đến nay đã có 5 khóa tốt nghiệp với 78 cán bộ giảng viên, hiện còn 02 lớp với 25 cán bộ giảng viên tham gia.

Nhà trường tổ chức định kỳ các kỳ thi kiểm tra tiếng Anh (TOEIC) cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường.

### ***1.3.6. Các giải pháp quản lý chất lượng đào tạo***

Với sự phát triển nhanh về số lượng sinh viên theo học các hệ và loại hình đào tạo, Hội Khoa học và Đào tạo, Ban giám hiệu và các Khoa, Phòng ban đã coi trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học:

- Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật những kiến thức mới của các môn học thông qua việc tham khảo các giáo trình, tài liệu trong và ngoài nước. Chú trọng đào tạo các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người học, gắn lý thuyết với thực hành, đảm bảo 30 - 40% thời gian cho việc làm bài tập, thảo luận, đi thực tế.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hệ thống tín chỉ, giảng viên đến lớp phải có đầy đủ bài giảng và bài tập thực hành gửi cho sinh viên, dành thời gian quy định để sinh viên trao đổi, đặt câu hỏi về những vấn đề liên quan đến môn học.

- Coi trọng khâu kiểm tra và đánh giá trong thi cử. Trường thực hiện tách 3 công đoạn: Giảng dạy tại lớp – Ra đề thi – Chấm thi thành 3 công đoạn độc lập. Đề thi được chọn ngẫu nhiên trong bộ ngân hàng đề các học phần. Các bài thi được rọc phách để ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong thi cử.

- Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học tích cực với việc sử dụng các công cụ và thiết bị tiên tiến; đẩy mạnh công tác soạn và viết giáo trình, bài giảng, nghiên cứu khoa học có địa chỉ ứng dụng, tiến đến biên soạn các giáo trình và bài giảng điện tử và phổ cập trên trang Web của trường.

- Đội ngũ giảng viên của Trường luôn được sự quan tâm đầu tư, các giảng viên của Trường được tạo điều kiện theo học các lớp Cao học, Nghiên cứu sinh đồng thời Trường có chính sách thu hút các cán bộ, giảng viên, các nhà khoa học về làm việc tại trường.

## **2. NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LL&PPDH BỘ MÔN VĂN – TIẾNG VIỆT TẠI THANH HOÁ VÀ CÁC VÙNG LÂN CẬN**

### **2.1. Nhu cầu phát triển của ngành giáo dục và chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt**

Khu vực Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa như Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam hiện có hơn 100 trường đại học, cao đẳng và trung cấp, hằng năm đào tạo trên 7000 cử nhân Văn học, Ngữ văn và Sư phạm Ngữ văn. Ở các trường đại học, cao đẳng có đào tạo cử nhân Văn học, Ngữ văn và Sư phạm Ngữ văn, lực lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ nói chung, tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt còn rất thấp, chưa đáp ứng mục tiêu, yêu cầu phát triển. Vì vậy, nhu cầu đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt là rất lớn.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án “Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020”, trong đó nhấn mạnh việc tăng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trong các trường đại học, cao đẳng của cả nước, phấn đấu đến năm 2020, đào tạo bổ sung được ít nhất 20.000 tiến sĩ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam. Đề án đồng thời nhấn mạnh : Nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo tiến sĩ trong nước, tranh thủ và phát huy mạnh mẽ sự hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong đào tạo tiến sĩ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trường đại học, của giảng viên và cán bộ nghiên cứu của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, trường Đại học Hồng Đức xin mở đào tạo tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt cũng nhằm góp phần thực hiện đề án trên.

Ngoài ra, việc đào tạo nghiên cứu chuyên sâu bậc tiến sĩ về LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt còn nhằm tạo ra các chuyên gia trong lĩnh vực này, góp phần duy trì và phát triển chuyên ngành, phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh và đất nước.

## **2.2. Nhu cầu phát triển của Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng**

Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa đất rộng, người đông, người dân có truyền thống hiếu học và học giỏi. Hiện tại, Thanh Hoá và các vùng kể trên có khoảng hơn 100 trường đại học, cao đẳng, dạy nghề và hàng nghìn trường trung học phổ thông. Tuy nhiên, hiện tại ở khu vực Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng chưa có cơ sở Đại học nào được phép đào tạo Thạc sĩ về LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt và cũng chưa có cơ sở Đại học nào được phép đào tạo Tiến sĩ LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt (nếu tính trong cả nước thì hiện nay mới chỉ có Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Thái Nguyên và Đại học Giáo dục được phép đào tạo Thạc sĩ về LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt và chỉ có trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam được phép đào tạo Tiến sĩ LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt).

Tổng số giảng viên, nghiên cứu viên LL& PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt ở các Trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp tại khu vực Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa là hơn 2.000 người, tổng số nhân lực tham gia trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt của các khu vực kể trên là hơn 35.000 người. Do vậy, nhu cầu đào tạo nhân lực Tiến sĩ về PPDH Văn – Tiếng Việt phục vụ cho khu vực là rất bức thiết.

## **2.3. Nhu cầu phát triển của người học**

Hiện nay, yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ cao (thạc sĩ, tiến sĩ) để phục vụ cho công tác quản lý giáo dục, nghiên cứu khoa học và giảng dạy tại các trường Đại học, cao đẳng, THCN... là rất lớn. Một bộ phận lớn học viên cao học sau khi tốt nghiệp thạc sĩ muốn học tiếp ở bậc tiến sĩ. Tại trường Đại học Hồng Đức, theo khảo sát, thống kê có 30% học viên cao học chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt muốn học tiếp lên bậc tiến sĩ. Trong khi đó, khu vực Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa hiện nay chưa có cơ sở đại học nào được phép đào tạo tiến sĩ.

## **2.4. Nhu cầu phát triển của trường đại học Hồng Đức**

Việc mở bậc đào tạo tiến sĩ LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt sẽ góp phần đa dạng hóa bậc và ngành nghề đào tạo của Nhà trường, tạo sự liên thông hoàn chỉnh giữa đào tạo cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ; nâng cao chất lượng đội ngũ



cán bộ giảng viên; đáp ứng nhu cầu học sau đại học của học viên và nhu cầu phát triển của xã hội.

### **3. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ THẠC SĨ NGỮ VĂN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

#### **3.1. Về đào tạo đại học thuộc ngành Ngữ văn**

Tính đến năm học 2015-2016, Nhà trường đã và đang tổ chức đào tạo 12 khóa ĐHSP Ngữ văn chính quy; 10 khóa ĐHSP Ngữ văn liên thông, vừa làm vừa học, 9 khoá ĐH Ngữ văn; 1 khóa ĐH Văn học; cung cấp hàng nghìn giáo viên Ngữ văn trình độ đại học cho Thanh Hoá và các địa phương khác trong cả nước, số liệu cụ thể như sau:

##### **3.1.1. Đào tạo đại học chính quy**

*Bảng 2. Số lượng sinh viên đại học chính quy thuộc ngành Ngữ văn*

<i>Năm/Khóa</i>	<i>ĐHSP Ngữ văn</i>	<i>ĐH Ngữ văn</i>	<i>ĐH Văn học</i>	<i>Đã tốt nghiệp</i>	<i>Đang đào tạo</i>
1998-2002	116			116	
1999-2003	102			102	
2000-2004	103			103	
2001-2005	46			46	
2002-2006	74			74	
2003-2007	42	55		97	
2004-2008		100		100	
2005-2009		103		150	
2006-2010		116		236	
2007-2011		94		196	
2008-2012		81		154	
2009-2013		73		73	
2010-2014	88	85		173	
2011-2015	85		20	105	
2012-2016	82				82
2013-2017	109				109
2014-2018	104				104
2015-2019	104				104

<b>Tổng</b>	<b>1055</b>	<b>707</b>	<b>20</b>	<b>1725</b>	<b>399</b>
-------------	-------------	------------	-----------	-------------	------------

### 3.1.2. Đào tạo đại học hệ Vừa làm vừa học

Bảng 3. Số lượng sinh viên đại học hệ Vừa làm vừa học thuộc ngành Ngữ văn:

Năm/ Khóa	DHSP Ngữ văn	Đã tốt nghiệp	Đang đào tạo
2007-2010	68 (VLVH K 1)	68	
2008-2010	124 (HCKT K 1)	124	
2008-2010	72 (LT K 2)	72	
2009-2011	49 (VLVH K 2)	49	
2009-2011	54 (LT K 3)	54	
2010-2012	61( LT K 4)	61	
2010-2012	88 (LT K 5)	88	
2011-2012	45 (LT K 6)	45	
2011-2013	60 (LT K 7)	60	
2014-2016	60 (LT K8)		60
<b>Tổng</b>	<b>681</b>	<b>621</b>	<b>60</b>

Phần lớn sinh viên tốt nghiệp ngành Ngữ văn và Sư phạm Ngữ văn của Nhà trường đều có việc làm hoặc tự tạo được việc làm. Nhiều trường phổ thông, cơ quan, tổ chức trên địa bàn đánh giá cao năng lực của sinh viên ngành Ngữ văn và Sư phạm Ngữ văn của Đại học Hồng Đức; đặc biệt là kỹ năng thực hành và kỹ năng mềm.

Theo điều tra của Trung tâm Hỗ trợ và phát triển đào tạo của Nhà trường, tỷ lệ sinh viên được tiếp nhận làm việc trước khi tốt nghiệp của Khoa Khoa học Xã hội đạt tỷ lệ hơn 70%.

### 3.2. Về đào tạo trình độ Sau đại học thuộc ngành Ngữ văn

Từ khi được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ (năm 2007) đến nay, Nhà trường đã và đang đào tạo được 06 khoá bậc thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam (4 khóa với 72 học viên đã tốt nghiệp ra trường), 05 khoá thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học (4 khóa với 50 học viên đã tốt nghiệp ra trường) và 04 khoá thạc sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt (02 khóa với

37 học viên đã tốt nghiệp), 01 khóa bậc tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam; số liệu cụ thể như sau:

*Bảng 4. Số lượng học viên và nghiên cứu sinh thuộc ngành Ngữ văn:*

<i>TT</i>	<i>Tên chuyên ngành</i>	<i>QĐ năm</i>	<i>Số HV đã tốt nghiệp</i>	<i>Số HV đang học</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Văn học Việt Nam	2009	102	27	
2	Ngôn ngữ Việt Nam	2008	50	13	
3	Lí luận&PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt	2012	43	19	
4	Văn học Việt Nam (Nghiên cứu sinh)	2015		06	
<b>Tổng</b>			<b>159</b>	<b>65</b>	

Qua quá trình đào tạo, chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được đảm bảo, uy tín của Nhà trường ngày càng được nâng cao. Các học viên cao học thuộc ngành Ngữ văn sau khi tốt nghiệp về đơn vị công tác được cơ sở đánh giá cao cả về kiến thức và kỹ năng. Kết quả trên đã thể hiện sự nỗ lực của Nhà trường, Khoa Khoa học Xã hội và học viên trong quá trình giảng dạy và học tập đáp ứng nhu cầu xã hội.

#### **4. KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI – ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LL&PPDH BỘ MÔN VĂN – TIẾNG VIỆT**

##### **4.1. Về đào tạo**

Khoa Khoa học Xã hội là một trong những khoa lớn của trường ĐH Hồng Đức, có tiền thân từ Khoa Văn - Sử thành lập năm 1978, thuộc trường CĐSP Thanh Hóa, gồm các tổ Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ (tiếng Nga và tiếng Anh). Cuối năm 1992, tổ Địa lí (từ khoa Hóa – Sinh - Địa) nhập về, tổ Ngoại ngữ tách thành khoa Ngoại ngữ, Khoa Văn - Sử đổi tên thành Khoa Xã hội.

Sau gần 20 năm xây dựng và phát triển, khoa Văn- Sử, khoa Xã hội, trường CĐSP Thanh Hóa đã đào tạo được 24 khóa đào tạo hệ CĐSP các ban Văn - Sử, Văn - Chính trị, Văn - Giáo dục công dân, Văn - Kỹ thuật, Văn - Anh văn, Sử -

Chính trị, Sử - Giáo dục công dân, Sử - Địa, Địa - Sử, Địa - Giáo dục công dân... với hàng chục nghìn giáo viên các môn KHXH.

Năm 1997, cùng với sự ra đời và phát triển của trường Đại học Hồng Đức, khoa Khoa học Xã hội (KHXH) - một trong những khoa đào tạo lớn của Nhà trường cũng được thành lập. Hiện khoa có 9 Bộ môn: Văn học Việt Nam, Lí luận văn học và Phương pháp dạy học Ngữ văn, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ học, Lịch sử, Địa lí tự nhiên - Môi trường, Địa lí kinh tế - xã hội và Phương pháp dạy học địa lí, Xã hội học, Việt Nam học.

Từ năm học 1998-1999, khoa Khoa học Xã hội đã tổ chức đào tạo ngành đại học hệ chính quy đầu tiên: Đại học Sư phạm Ngữ văn. Đến nay đã có 8 khóa ĐHSP Ngữ văn chính quy, 9 khóa liên thông, vừa làm vừa học, 6 khóa ĐHSP Lịch sử, 5 khóa ĐHSP Địa lí tốt nghiệp ra trường.

Từ năm học 2002-2003, khi nhu cầu đào tạo giáo viên của Thanh Hóa giảm, Khoa đã nhanh chóng nghiên cứu chương trình, thị trường, chuyển đổi một cách vững chắc sang đào tạo các ngành Cử nhân khoa học. Đến nay, Khoa đã đào tạo được 9 khóa đại học Ngữ văn, 6 khóa đại học Lịch sử, 7 khóa đại học Việt Nam học định hướng nghề Hướng dẫn du lịch, 7 khóa đại học Xã hội học định hướng nghề Công tác xã hội, 6 khóa đại học Địa lí định hướng nghề Du lịch và Quản lí tài nguyên môi trường.

Năm học 2008-2009 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong công tác đào tạo, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo bậc thạc sĩ đầu tiên: chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam. Đến năm học 2013-2014, Khoa đã tổ chức đào tạo 4 chuyên ngành thạc sĩ: Ngôn ngữ Việt Nam, Văn học Việt Nam, LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam; tuyển sinh hàng năm mỗi chuyên ngành 20 học viên. Đặc biệt, từ năm học 2014-2015, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo bậc tiến sĩ, chuyên ngành Văn học Việt Nam và đã tuyển sinh khóa 1 với 06 NCS.

Như vậy, từ một khoa đào tạo giáo viên THCS Văn, Sử, Địa của trường CĐSP, trải qua 18 năm xây dựng và trưởng thành, công tác đào tạo của Khoa không ngừng được mở rộng về quy mô ngành nghề và bậc đào tạo, trở thành một trong những đơn vị đào tạo hoàn chỉnh đầu tiên của nhà trường, gần như một trường Đại học KHXH và NV thu nhỏ.

#### **4.2. Về nghiên cứu khoa học**

Khoa Khoa học Xã hội cũng là khoa có nhiều thành tích nổi bật trong toàn trường. Hiện, CBGV trong Khoa đã thực hiện được 9 đề tài khoa học cấp Tỉnh; đang thực hiện 1 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ, hàng năm có từ 12-15 đề tài cấp cơ sở. CBGV trong Khoa đã hướng dẫn thành công gần 50 luận văn thạc sĩ tại các trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, ĐHSP Hà Nội, ĐH Vinh; hơn 60 luận văn thạc sĩ tại trường ĐH Hồng Đức; hàng năm hướng dẫn hàng trăm đề tài, khoá luận của SV, đăng tải từ 60-70 công trình nghiên cứu trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành.

Khoa đã tổ chức hàng chục cuộc Hội thảo khoa học cấp Quốc gia, cấp Tỉnh, cấp liên trường, cấp trường, tiêu biểu như các hội thảo: “*Hoàng đế Lê Thánh Tông*” (2002), “*50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ*” (2004), “*Tố Hữu – thơ ca và cách mạng*” (2005), “*Thanh Hóa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ*” (2005), “*Quốc triều hình luật – Giá trị lịch sử và đương đại*” (2007), “*Thanh Hóa với 1000 năm Thăng Long – Hà Nội*” (2010), “*Lý thuyết phê bình văn học hiện đại - Tiếp nhận và ứng dụng*” (2013), “*Chiến thắng Hàm Rồng – 50 năm nhìn lại*” (2015), “*Xây dựng hình ảnh tốt đẹp của người Thanh Hóa trong lòng bạn bè trong nước và quốc tế*” (2015),...

Hơn 30 giáo trình, tài liệu tham khảo do cán bộ, giảng viên của Khoa chủ biên, tham gia biên soạn đã được các nhà xuất bản Trung ương ấn hành như: Nxb Chính trị Quốc gia, Nxb Giáo dục, Nxb Khoa học Xã hội, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội,... Đặc biệt, nhiều cán bộ, giảng viên của khoa đã được tuyển chọn biên soạn các giáo trình đại học và cao đẳng cho các dự án: Phát triển giáo viên Tiểu học, Đào tạo giáo viên THCS, Đào tạo giáo viên THPT,... Nhiều giảng viên của khoa là hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Sử học, Hội Văn nghệ dân gian, Hội Dân tộc học và Nhân học Thanh Hóa. Khoa có một Tạp san *Khoa học Xã hội & Nhân văn* đã xuất bản được 18 số. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được áp dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

#### **4.3. Về đội ngũ cán bộ**

Khoa Khoa học Xã hội hiện có 75 cán bộ, giảng viên, trong đó có 07 Phó giáo sư (9,3%), 25 tiến sĩ (chiếm 33,3%), 41 thạc sĩ (54,6%), 25 nghiên cứu sinh (33,3%), còn lại là cán bộ, giảng viên có trình độ đại học. Tỷ lệ cán bộ có trình độ sau đại học đạt 94,6%.

Riêng ngành Ngữ văn đã có 05 Phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 18 thạc sĩ. Tỷ lệ cán bộ có trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm hơn 50%, từ thạc sĩ trở lên là 100%. Đây là một đội ngũ mạnh trong trường và so với một số trường đại học khác.

#### **4.4. Cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất của Khoa tương đối đồng bộ: Phòng thực hành địa lí có trang thiết bị tiên tiến; phòng sưu tập và trưng bày cổ vật lịch sử; phòng hội thảo khoa học. Phòng tư liệu của Khoa có hơn 300 đầu sách, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước với hơn 13.000 nghìn cuốn sách, tạp chí đáp ứng yêu cầu đào tạo sau đại học.

#### **4.5 Về kinh nghiệm tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ**

Năm học 2006-2007, Khoa và Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm học 2008-2009, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, năm học 2009-2010 được mở thêm chuyên ngành Văn học Việt Nam, năm học 2011-2012 thêm chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt, năm học 2012-2013 thêm chuyên ngành Lịch sử Việt Nam. Đặc biệt, từ năm học 2014-2015, khoa được giao nhiệm vụ đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam (một trong hai chuyên ngành tiến sĩ đầu tiên của nhà trường). Hiện nay, khoa được Nhà trường giao nhiệm vụ trực tiếp tổ chức đào tạo 4 chuyên ngành bậc thạc sĩ và 1 chuyên ngành bậc tiến sĩ. Đến nay, 4 khoá thạc sĩ khoá Văn học Việt Nam, 4 khoá thạc sĩ khoá Ngôn ngữ Việt Nam, 2 khoá LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt, 1 khoá thạc sĩ Lịch sử Việt Nam đã bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp, các khoá thạc sĩ tiếp theo và khóa tiến sĩ văn học Việt Nam đầu tiên đang thực hiện theo đúng kế hoạch, tiến độ và quy chế đào tạo (Xem thêm bảng 1).

Kinh nghiệm tổ chức đào tạo thạc sĩ trong những năm qua và bước đầu đào tạo tiến sĩ Văn học Việt Nam là tiền đề, điều kiện thuận lợi để Khoa và Nhà trường tiếp tục đăng kí nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt.

### **5. LÍ DO ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LL&PPDH BỘ MÔN VĂN – TIẾNG VIỆT**

**5.1.** Xuất phát từ nhu cầu phát triển đội ngũ cán bộ của tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa; xuất phát từ

nhu cầu được học tập nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân các ngành Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn, Văn hóa cũng như chất lượng dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

**5.2.** Nguồn tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt của Thanh Hóa và các vùng lân cận rất dồi dào. Số lượng cán bộ, giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề, giáo viên Ngữ văn các trường Trung học phổ thông và cán bộ quản lý giáo dục của Thanh Hóa và các vùng lân cận rất lớn, trong khi đó việc cán bộ, giáo viên Thanh Hoá đăng kí học tiến sĩ tại trường ĐHSP Hà Nội,... gặp nhiều khó khăn vì chi tiêu hạn chế, chi phí đi lại, ăn ở quá cao so với mức thu nhập của giáo viên ở các tỉnh nghèo.

**5.3.** Xuất phát từ mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên của các trường đại học, cao đẳng, THCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa. Mục tiêu phát triển của nhà trường từ nay đến năm 2020 được ghi rõ trong *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ Trường khóa III* tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ IV nhiệm kỳ 2015-2020 là “Mở rộng đào tạo sau đại học, phân đấu trong nhiệm kỳ mới mở được 4 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 7 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, đưa tỷ lệ học viên sau đại học đạt 4% - 5% tổng quy mô đào tạo” và “Phân đấu đến năm 2020 có 90% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó có 30% tiến sĩ, 5% Giáo sư, Phó Giáo sư trở lên”.

Việc mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt ở trường ĐH Hồng Đức, vì vậy, là rất cấp thiết, giúp ĐH Hồng Đức và các trường ĐH, cao đẳng khác trong khu vực đẩy nhanh tốc độ xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng chuẩn đội ngũ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từng bước vươn lên khẳng định vị thế và có điều kiện tiếp cận, hội nhập với các trường đại học lớn trong nước và thế giới.

**5.4.** Xuất phát từ Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Hồng Đức theo Quyết định số 1469/QĐ-CT ngày 29/7/1999 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Thanh Hóa có đội ngũ cán bộ đông nhưng chất lượng nguồn nhân lực nhìn chung còn thấp; đội ngũ cán bộ chuyên gia giỏi, đầu ngành còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong xu thế hội nhập khu vực và quốc

tế, vì vậy Tỉnh khẳng định quyết tâm xây dựng Đại học Hồng Đức trở thành trung tâm văn hóa, khoa học, kỹ thuật lớn của Tỉnh với nhiệm vụ: “đào tạo cán bộ có trình độ cao cho Trường và cho Tỉnh”. Phát triển đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tiến sĩ nói chung, tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt nói riêng phục vụ sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của tỉnh Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, do vậy, là một trong những nhiệm vụ quan trọng được lãnh đạo Tỉnh quan tâm chỉ đạo.

**5.5.** Xuất phát từ kinh nghiệm tổ chức quản lý và đào tạo trình độ sau đại học của Nhà trường. Từ năm 2007 đến nay, Nhà trường đã có kinh nghiệm nhiều năm trong việc tổ chức quản lý và đào tạo 13 chuyên ngành thạc sĩ và 2 chuyên ngành tiến sĩ tại trường, 6 khóa thạc sĩ đã tốt nghiệp gồm các chuyên ngành: *Trồng trọt, Toán giải tích, Ngôn ngữ Việt Nam, Văn học Việt Nam, LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Vật lý lý thuyết*. Đây là những tiền đề quan trọng cho việc mở ngành và tổ chức đào tạo tiến sĩ chuyên ngành *PPDH Văn – Tiếng Việt* tại trường.

**5.6.** Cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu của Khoa và Nhà trường đồng bộ, ngày càng được bổ sung trang thiết bị hiện đại, đáp ứng đầy đủ yêu cầu, quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ nói chung, tiến sĩ *LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt* nói riêng.

**5.7.** Khoa Khoa học Xã hội và Bộ môn LL&PPDH Văn – Tiếng Việt (trực thuộc Khoa) hiện có 06 Phó giáo sư, 25 tiến sĩ, trong đó có: 02 Phó giáo sư và 01 tiến sĩ chuyên ngành PPDH bộ môn Văn - tiếng Việt, 02 Phó giáo sư và 05 tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, 01 Phó giáo sư và 02 tiến sĩ chuyên ngành Văn học dân gian, 01 tiến sĩ chuyên ngành Lí luận văn học, 01 tiến sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài, 05 tiến sĩ Ngôn ngữ học. Bên cạnh đó, Khoa và Bộ môn còn có đội ngũ cán bộ thỉnh giảng, cộng tác viên là các giáo sư, nhà khoa học có uy tín, có nhiều kinh nghiệm đào tạo tiến sĩ chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt đang công tác tại ĐHSP Hà Nội, ĐHKHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, Đại học Vinh, v.v...

Đối chiếu với Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc mở ngành đào tạo sau đại học, trường Đại học Hồng Đức đã đáp ứng đủ điều kiện, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép



Nhà trường đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành **LL&PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt; Mã số: 60 14 01 11.**

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

#### **1. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN**

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường đại học;

- Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ; và Thông tư số 05/2012/TT –BGDĐT ngày 15/2/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Quyết định số 867/TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo Sau đại học

- Căn cứ vào điều kiện, khả năng của Trường Đại học Hồng Đức và nhu cầu xã hội về ngành đào tạo.

## **2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **2.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt nhằm đào tạo các chuyên gia về lĩnh vực khoa học giáo dục và khoa học dạy học Ngữ văn; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; có khả năng tổ chức các nhóm nghiên cứu, giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn giáo dục.

NCS chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt sau khi tốt nghiệp bậc đào tạo tiến sĩ có khả năng làm tốt các công tác: dạy học, nghiên cứu khoa học, tổ chức các nhóm nghiên cứu khoa học, lãnh đạo các tổ chức nghiên cứu khoa học ở trường đại học, học viện hoặc làm công tác quản lí tại các Sở Giáo dục, Bộ Giáo dục, Học viện, Trung tâm Giáo dục, các cơ quan tổ chức giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục trong cả nước.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

#### **2.2.1. Về kiến thức**

NCS học xong chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt:

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học giáo dục, về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt; phát triển các nguyên lý, học thuyết, quan điểm của lí luận dạy học hiện đại; có nền tảng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học liên ngành; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường giáo dục; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

#### **2.2.2. Về kĩ năng**

Có kĩ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp trong môi trường giáo dục, văn hóa, xã hội, xây dựng các giả thuyết khoa học và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; có khả năng sáng tạo tri thức mới trong lĩnh

vực lí luận và phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt – Làm văn; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế;

Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT. Có kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh ở mức độ trôi chảy, thành thạo, có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có khả năng sử dụng tiếng Anh vào việc đọc hiểu, trình bày, giải thích quan điểm của mình về một vấn đề hoặc phản biện, viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành.

### ***2.2.3. Về phẩm chất đạo đức***

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Trung thực, công bằng, có trách nhiệm (bản thân, gia đình, tổ chức, bạn bè, xã hội), trung thành với Tổ quốc và tổ chức, tôn trọng sự học (tình thầy - trò, tình bạn đồng môn, tinh thần học tập suốt đời), dám đương đầu với khó khăn, thử thách.

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Có tính kỷ luật chuyên nghiệp, có khả năng hoàn thành công việc dưới áp lực, có ý thức tôn trọng và làm giàu thêm văn hóa và tài sản quy trình của tổ chức.

- Phẩm chất đạo đức xã hội: Chân thành, độ lượng, có lòng trắc ẩn, yêu cái tốt, ghét cái xấu, tôn trọng luật lệ và tính đa dạng xã hội.

### **2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn giáo dục; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

## **3. NGUỒN TUYỂN**

Là những người đang sinh sống và làm việc ở tỉnh Thanh Hóa, các tỉnh khu vực Bắc miền Trung, vùng đồng bằng sông Hồng gần Thanh Hóa và cả nước, thỏa

mãn các điều kiện quy định nêu trong Quy chế đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các cán bộ giảng dạy tại hơn 50 trường đại học, cao đẳng và hàng nghìn trường phổ thông bậc Trung học thuộc khu vực Thanh Hóa, Bắc miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng.

- Các cán bộ đang công tác tại các cơ quan quản lý Nhà nước, quản lý giáo dục, quản lý văn hóa, quản lý hành chính thuộc các khu vực trên.

- Các sinh viên đã tốt nghiệp đại học, học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ đủ điều kiện dự thi.

#### **4. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC TUYỂN SINH**

**4.1. Thời gian tuyển sinh:** Trường ĐH Hồng Đức tổ chức tuyển nghiên cứu sinh vào tháng 3 và 9 hàng năm.

#### **4.2. Hình thức tuyển sinh:**

- Đối tượng có bằng thạc sĩ: xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức.

- Đối tượng có bằng cử nhân: kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn:

+ Môn thi chủ chốt: Lí luận và Phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt

+ Môn thi không chủ chốt: Lí luận văn học

+ Môn thi Ngoại ngữ: Tiếng Anh, hoặc tiếng Nga, hoặc tiếng Trung.

+ Xét tuyển hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐH Hồng Đức.

#### **5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

**5.1. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng và công trình đã công bố:

+ Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

+ Có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt. Có tối thiểu 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự

tuyển có nội dung liên quan đến các vấn đề nghiên cứu của chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy một trong các ngành: cử nhân Ngữ văn, cử nhân Văn học, ĐHSP Ngữ văn, ĐHSP Văn – Sử loại giỏi trở lên và có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển có nội dung liên quan đến các vấn đề nghiên cứu của chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành cử nhân Ngữ văn, cử nhân Văn học, ĐHSP Ngữ văn, ĐHSP Văn – Sử loại khá và có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển có nội dung liên quan đến các vấn đề nghiên cứu của chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN của các trường đại học, các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức.

c) Được giới thiệu từ hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư/ học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

d) Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kì của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

e) Có đủ trình độ tiếng Anh để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cụ thể: Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

(1) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung Châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục III), trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(2) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

(3) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

(4) Có chứng chỉ IELTS 4,5 trở lên hoặc hoặc các chứng chỉ qui đổi tương đương IELTS 4,5 trở lên, trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, cụ thể: TOEFL 450 PBT; 133 CBT; 45 iBT hoặc 450 TOEIC quốc tế; hoặc Cambridge Preliminary PET; hoặc BEC Business Preliminary; hoặc BULATS 40.

(5) Hoặc NCS có thể dự thi môn tiếng Anh tại kì thi tuyển sinh Thạc sĩ của trường ĐH Hồng Đức.

Căn cứ yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Hiệu trưởng trường đại học Hồng Đức sẽ quy định ngoại ngữ đối với chuyên ngành Văn học Việt Nam và điểm chuẩn môn Ngoại ngữ đối với đối tượng NCS dự thi môn Ngoại ngữ tại kì thi tuyển sinh Thạc sĩ của Nhà trường.

g) Được cơ quan quản lí nhân sự (nếu là người đã có việc làm) giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

h) Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

i) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

k) Thâm niên công tác:

Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất **một năm** làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày nhập học).

SV tốt nghiệp đại học loại khá trở lên đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành Văn học Việt Nam được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

l) Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư Liên Bộ Y tế -Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

### **5.2. Danh mục các chuyên ngành gần:**

Các chuyên ngành thạc sĩ Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ Việt Nam.

## **6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO, SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **6.1. Thời gian đào tạo**

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp là 4 năm tập trung liên tục.

- Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được và được cơ sở đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu là 3 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

### **6.2. Số lượng nghiên cứu sinh**

Từ 3 - 5 học viên cho mỗi khóa học.

### **6.3. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của trường đại học Hồng Đức.





## **Phần thứ ba**

### **NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

#### **2. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

##### **2.1. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ HỮU CỦA TRƯỜNG ĐH HỒNG ĐỨC**

Hiện tại, chỉ tính riêng ở Khoa Khoa học Xã hội của trường đại học Hồng Đức đã có 28 cán bộ giảng dạy ngành Ngữ văn, trong đó có 6 PGS.TS, 13 tiến sĩ, số còn lại là Thạc sĩ. Trong số đó, có 02 PGS.TS và 01 tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt, 02 PGS và 04 tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, 01 PGS và 01 tiến sĩ chuyên ngành Văn học dân gian, 01 tiến sĩ chuyên ngành Văn học nước ngoài, 01 PGS và 05 tiến sĩ Ngôn ngữ học.

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ cơ hữu của trường đại học Hồng Đức còn có 04 tiến sĩ của ngành Giáo dục học.

Khoa cũng có mối quan hệ hợp tác đào tạo, hướng dẫn thạc sĩ, NCS với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trong nước như trường ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Hà Nội 2, ĐH Giáo dục - ĐHQG Hà Nội, Viện Khoa học Giáo dục, Đại học Vinh.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường, giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt được thể hiện tại các Phụ lục III.1, Phụ lục III.2, Phụ lục III.3, cùng với bản sao văn bằng cao nhất của từng giảng viên.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy Tiếng Anh, Triết học của trường đã và đang giảng dạy thạc sĩ của trường, cụ thể gồm: 2 tiến sĩ Triết học, 2 tiến sĩ Tiếng Anh và 4 thạc sĩ tiếng Anh (trong đó có 3 thạc sĩ tốt nghiệp ở Mĩ, Anh, Úc).

**Phụ lục III.1 - Mẫu 1a**

**Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ Lí luận & Phương pháp DH bộ môn Văn - Tiếng Việt**

ST T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
1	HOÀNG THỊ MAI	1970	PGS 2013	TS, Việt Nam, 2000	Lí luận & PPDH Văn - TV	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức, ĐHSP Hà Nội từ 2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 đề tài NCKH cấp Bộ</li> <li>- 1 đề tài KH&amp;CN cấp Tỉnh</li> <li>- 2 đề tài cơ sở</li> <li>- 6 sách tham khảo</li> <li>- 40 bài báo trong nước.</li> </ul>	
2	LÊ THỊ PHƯỢNG	1971	PGS 2015	TS, Việt Nam, 2009	Lí luận & PPDH Văn - TV	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 đề tài NCKH cấp Bộ</li> <li>- 1 đề tài KH&amp;CN cấp Tỉnh</li> <li>- 2 đề tài cơ sở</li> <li>- 2 sách tham khảo</li> <li>- 32 bài báo trong nước.</li> </ul>	
3	PHẠM THỊ ANH	1967		TS, Việt Nam, 2009	Lí luận & PPDH Văn - TV	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2011	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia 1 đề tài NCKH cấp Bộ và 1 đề tài KH&amp;CN cấp Tỉnh.</li> <li>- 3 đề tài cơ sở</li> <li>- 3 sách tham khảo</li> <li>- 26 bài báo trong nước.</li> </ul>	

4	LÊ THỊ THU HÀ	1971		TS, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2015	- Tham gia 01 đề tài cấp Nhà nước; - 02 đề tài cơ sở - 12 bài báo KH	
5	HỒ THỊ DUNG	1974		TS, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2015	- 01 đề tài cấp Bộ - 01 đề tài cơ sở - 09 bài báo KH	
6	NGUYỄN THỊ THANH	1973		TS, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2015	- Tham gia 2 ĐT Nafosted - Tham gia 2 ĐT cấp Bộ - 01 ĐT cấp cơ sở - 12 bài báo - 01 sách tham khảo	
7	HÒA THỊ THÚY	1961	PGS 2013	TS, Việt Nam, 2006	Văn học Việt Nam	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức, ĐHKHXH&NV-ĐHQGHN từ 2009	- 1 đề tài NCKH cấp Bộ - 2 đề tài cơ sở - 2 sách tham khảo - 30 bài báo trong nước.	
8	TRẦN VĂN DŨNG	1960		TS, Việt Nam, 2006	Văn học Việt Nam	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức, ĐH Vinh từ 2009	- 1 đề tài NCKH cấp Bộ - 1 sách giáo trình - 23 bài báo trong nước - 2 đề tài cơ sở	

9	LÊ TÚ ANH	1972	PGS 2014	TS, Việt nam, 2009	Văn học Việt Nam	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2010	- 1 đề tài NCKH cấp Bộ - 3 đề tài cơ sở - 1 sách tham khảo - 21 bài báo trong nước.	
10	HOÀNG THỊ HUỆ	1972		TS, Việt Nam, 2013	Văn học Việt Nam	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2013	- 1 đề tài cơ sở - 10 bài báo trong nước.	
11	NGUYỄN VĂN THẾ	1970		TS, Việt Nam, 2009	Văn học Việt Nam	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2010	- 1 đề tài NCKH cấp Bộ - 1 đề tài NCKH cấp Tỉnh - 2 đề tài cơ sở - 15 bài báo trong nước.	
12	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	1968		TS, Việt nam, 2012	Văn học Việt Nam	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2012	- 1 đề tài cơ sở - 9 bài báo trong nước.	
13	VŨ THANH HÀ	1970		TS, Việt Nam, 2009	Lí luận văn học	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2010	- 1 đề tài cơ sở - 14 bài báo trong nước.	

14	MAI THỊ HỒNG HẢI	1961	PGS 2014	TS, Việt Nam, 2003	Văn học dân gian	Giảng dạy SDH tại ĐHKHXH&NV, ĐH Hồng Đức từ 2008	- 1 đề tài cấp Nhà nước - 4 đề tài NCKH cấp Tỉnh - 2 đề tài cấp cơ sở - 2 sách chuyên khảo - 28 bài báo trong nước	
15	LÊ THỊ HIỀN	1982		TS, Việt Nam, 2013	Văn học dân gian		- 01 đề tài cơ sở - 10 bài báo trong nước	
16	TRỊNH ĐÌNH HÀ	1959		TS, Việt Nam, 2002	Văn học nước ngoài	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức, ĐH Vinh từ 2010	- 02 đề tài cấp cơ sở - 01 đề tài cấp Tỉnh - 11 bài báo trong nước	
17	MAI THỊ HẢO YẾN	1972	PGS 2016	TS, Việt Nam, 2001	Lí luận Ngôn ngữ	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2009	- 2 đề tài cơ sở - 1 đề tài cấp Tỉnh - 1 sách chuyên khảo - 19 bài báo trong nước.	
18	LÊ THỊ THU BÌNH	1973		TS, Việt Nam, 2009	Lí luận Ngôn ngữ	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2009	- 1 đề tài NCKH cấp Bộ - 2 đề tài cơ sở - 21 bài báo trong nước.	

19	CAO XUÂN HẢI	1972		TS, Việt nam, 2012	Lí luận Ngôn ngữ	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức từ 2013	- 1 đề tài cơ sở - 17 bài báo trong nước.	
20	LÊ THỊ BÌNH	1971		TS, Việt nam, 2013	Lí luận Ngôn ngữ		- 2 đề tài cơ sở - 17 bài báo trong nước.	
21	VŨ THỊ THẮNG	1974		TS, Việt nam, 2013	Lí luận Ngôn ngữ		- 2 đề tài cơ sở - 17 bài báo trong nước.	

**Phụ lục III.1 - Mẫu 1b**

**Đội ngũ cán bộ mời tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ Lí luận & PPDH bộ môn Văn – Tiếng Việt**

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	NGUYỄN THANH HÙNG	1940	GS 1996	TS, 1979 CHDC Đức	Lí luận & PP dạy học bộ môn Văn – TV	Giảng dạy SDH tại ĐHSP HN, ĐHSP Huế, ĐH Sài Gòn, ĐH Đồng Tháp, ĐH Cần Thơ từ năm 1990.	- 5 Giáo trình - 4 sách chuyên khảo - 30 bài báo trong nước - 2 đề tài NCKH cấp Bộ
2	LÊ A	1944	GS 2000	TS, Nga, 1983	Lí luận ngôn ngữ; Lí luận & PP dạy học bộ môn Văn – TV	Giảng dạy SDH tại ĐHSP HN, ĐHSP Huế, ĐH Sài Gòn, ĐH Đồng Tháp, ĐH Cần Thơ từ năm 1993.	- 10 Giáo trình - 5 Sách chuyên khảo, - - 10 sách tham khảo. - Sách giáo khoa phổ thông trước và sau 2000 - 30 bài báo trong nước

3	ĐỖ NGỌC THỐNG	1957	PGS 2006	TS, Việt Nam, 1994	Lí luận & PP dạy học bộ môn Văn – TV	Giảng dạy SĐH tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, trường ĐHSP HN, từ năm 1999.	- 3 Giáo trình - 7 sách chuyên khảo - Tác giả của các bộ SGK Ngữ văn THCS, THPT. - 50 bài báo trong nước - 1 đề tài NCKH cấp NN
4	NGUYỄN QUANG NINH	1947	PGS 1996	TS, Việt Nam, 1993	Lí luận & PP dạy học bộ môn Văn – TV	Giảng dạy SĐH tại ĐHSP HN, ĐHSP Huế, ĐH Sài Gòn, ĐH Đồng Tháp, ĐH Cần Thơ từ năm 1995.	- 6 Giáo trình - 7 sách chuyên khảo - Tác giả của nhiều bộ sách giáo khoa PT. - 50 bài báo trong nước - 1 đề tài NCKH cấp NN
5	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	1951	PGS 2013	TS, Việt Nam, 2007	Lí luận & PP dạy học bộ môn Văn – TV	Giảng dạy SĐH tại ĐHSP HN, ĐHSP Huế, ĐH Sài Gòn, ĐH Đồng Tháp, ĐH Cần Thơ từ năm 2009	- 2 sách chuyên khảo - Tác giả, đồng tác giả của nhiều bộ sách tham khảo dạy học Ngữ văn ở PT. - 40 bài báo trong nước - 1 đề tài NCKH cấp Bộ



6	BÙI MINH ĐỨC	1978	PGS 2015	TS, Việt Nam, 2009	Lí luận & PPDH Văn – Tiếng Việt	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức, ĐHSP Hà Nội từ 2012	- 1 sách chuyên khảo - 15 sách tham khảo dạy học Ngữ văn ở PT. - 50 bài báo trong nước
7	TRƯỜNG THỊ BÍCH	1967	PGS 2015	TS, Việt Nam, 2006	Lí luận & PPDH Văn – Tiếng Việt	Giảng dạy SDH tại Viện KHDG Việt Nam, ĐHSP Hà Nội từ 2012	- 01 sách chuyên khảo - 33 bài báo KH - 2 đề tài KH Nafosted - 03 đề tài KH cấp cơ sở
8	PHẠM MINH DIỆU	1960	PGS	TS, 2001	Lí luận & PPDH Văn – Tiếng Việt	Giảng dạy SDH tại ĐH Hồng Đức 2012, ĐH Giáo dục từ năm 2015	- 02 sách chuyên khảo - Nhiều sách tham khảo - 33 bài báo KH - 1 đề tài KH cấp Bộ - 03 đề tài KH cấp cơ sở
9	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	1965		2007	Lí luận & PPDH Văn – Tiếng Việt	Giảng dạy SDH tại Viện KHDG Việt Nam, ĐHSP Hà Nội từ 2012	- 3 đề tài cấp cơ sở - 30 bài báo - 9 sách tham khảo - Tham gia nhiều đề tài KH cấp Bộ và các Dự án giáo dục Quốc gia.

10	TRỊNH THỊ LAN	1976		TS, Việt Nam, 2008	Lí luận & PPDH Văn – Tiếng Việt	Giảng dạy SDH tại ĐHSP Hà Nội từ 2012	- 2 đề tài cấp cơ sở - 15 bài báo - 2 sách tham khảo
----	---------------	------	--	--------------------	---------------------------------	---------------------------------------	--

**GIÁM ĐỐC  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**TS PHẠM THỊ HẰNG**

**PGS,TS NGUYỄN MẠNH AN**

## **2.2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO**

### **2.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo**

#### **a) Phòng seminar**

Đáp ứng tốt yêu cầu sinh hoạt, hội thảo khoa học chuyên ngành cho 50 học viên; có đầy đủ phương tiện hiện đại như Projector, Overheat, bảng, bàn ghế, nối mạng, máy tính.

#### **b) Phòng học chuyên ngành**

Trang bị bàn ghế, bảng, máy chiếu, tăng âm, máy tính nối mạng đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.

#### **c) Phòng cho NCS tự nghiên cứu**

Phòng 30m<sup>2</sup>, trang bị 20 bộ bàn ghế, 1 bảng, 20 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên ngành phục vụ cho học viên có thể tự học, tìm tài liệu học tập và tự nghiên cứu.

#### **d) Phòng học đa phương tiện**

Là phòng học được đầu tư (bàn ghế, máy chiếu đa năng, máy tính, bảng đa năng, thiết bị âm thanh,...) đạt tiêu chuẩn, có thể phục vụ cho 1 lớp học có 35 học viên.

#### **e) Phòng học tiếng (LAB)**

Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được nối mạng phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB: 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm Giáo dục Quốc tế).

#### **g) Trung tâm hỗ trợ học tập**

Nhà trường có 1 trung tâm hỗ trợ học tập: với tổng diện tích 120 m<sup>2</sup>, có đầy đủ phương tiện, có thể phục vụ trên 150 học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.

**Thông tin cụ thể về các loại máy, thiết bị phục vụ đào tạo:**

<b>TT</b>	<b>Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu,</b>	<b>Nước sản xuất,</b>	<b>Số</b>	<b>Tên học phần sử dụng thiết bị</b>
-----------	--	-----------------------	-----------	--------------------------------------

	<b>mục đích sử dụng</b>	<b>năm sản xuất</b>	<b>lượng</b>	
1	Phòng Multimedia gồm 80 máy học viên và 1 bộ máy giáo viên nối mạng. Máy tính CMS, Mạng Cisco.	Nhật Bản và Việt Nam, 2003	2 phòng	Các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành.
2	Phòng học ngoại ngữ và hội thảo gồm 72 máy tính học sinh và 2 máy giáo viên. Máy tính HP, Mạng Cisco.	Nhật Bản và Trung Quốc, 2005	3 phòng	Các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành.
3	Phòng học ngoại ngữ dành cho dự án quốc tế, trong đó có 2 phòng nối mạng gồm 94 máy tính cho học sinh 3 máy giáo viên. Máy tính HP, Mạng Cisco.	Nhật Bản và Trung Quốc, 2008	21 phòng	Các các seminar, hội thảo chuyên đề chuyên ngành.
4	Máy chiếu đa năng Projector	Nhật Bản và Trung Quốc, 2007	78 máy	Tất cả các học phần, chuyên đề chuyên ngành
5	Máy tính đang sử dụng được. Máy tính HP, Icer, IBM	Nhật Bản và Trung Quốc, 2005	821 máy	Tất cả các học phần, chuyên đề chuyên ngành
6	Máy tính kết nối. Máy tính HP, Icer, IBM	Nhật Bản và Trung Quốc, 2005	451 máy	Tất cả các học phần, chuyên đề chuyên ngành

### **2.2.2. Thư viện**

Thư viện trường đại học Hồng Đức có tổng diện tích 2450 m<sup>2</sup> với 120 máy tính được nối mạng internet, hàng nghìn đầu sách, báo, tạp chí, đủ điều kiện phục vụ đào tạo nhiều chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt. Các đầu sách phục vụ chuyên ngành đào tạo cụ thể như sau

<b>TT</b>	<b>Tên sách, tên tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây</b>	<b>Nước xuất bản/ Năm xuất bản</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tên học phần sử dụng sách, tạp chí</b>
1	<i>Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2015	5	Các học phần và chuyên đề
2	<i>Phương pháp luận giải mã văn bản văn học</i>	NXB Đại học sư phạm, 2014	5	Các học phần và chuyên đề
3	<i>Nghệ thuật và khoa học dạy học</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
4	<i>PISA và những vấn đề của giáo dục Việt Nam</i>	NXB Đại học sư phạm, 2015	5	Các học phần và chuyên đề
5	<i>Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
6	<i>Đa trí tuệ trong lớp học</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
7	<i>Kỹ năng đọc hiểu văn</i>	NXB Đại học sư phạm, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
8	<i>Giáo dục đại học Hoa Kỳ</i>	NXB Giáo dục, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
9	<i>Kiểm tra đánh giá trong giáo dục</i>	NXB Đại học sư phạm, 2014	5	Các học phần và chuyên đề
10	<i>Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
11	<i>Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông Việt Nam</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
12	<i>Phương pháp dạy học văn bản nghị luận ở trường phổ thông</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
13	<i>Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương Thanh Hóa ở Trung học cơ sở</i>	NXB Đại học sư phạm, 2015	5	Các học phần và chuyên đề
14	<i>Lí thuyết phê bình văn học hiện đại (Tiếp nhận và ứng dụng)</i>	NXB Đại học Vinh, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
15	<i>Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới</i>	NXB Đại học sư phạm, 2014	5	Các học phần và chuyên đề

17	<i>Trí tuệ xúc cảm</i>	NXB Lao động, 2013		Các học phần và chuyên đề
19	<i>Văn học và nhà trường</i>	NXB Đại học SP Hà Nội, 2010		Các học phần và chuyên đề
20	<i>Văn chương bạn đọc sáng tạo</i>	NXB Giáo dục, 2005		Các học phần và chuyên đề
21	<i>Lí thuyết văn học hậu hiện đại</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
22	<i>Văn học hậu hiện đại – lí thuyết và tiếp nhận</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
23	<i>Văn học hậu hiện đại-lí thuyết và thực tiễn</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
24	<i>Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học</i>	NXB Hội nhà văn, HN, 2010	5	Các học phần và chuyên đề
25	<i>Lí thuyết văn học hậu hiện đại</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
26	<i>Thi pháp chủ nghĩa hậu hiện đại</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
27	<i>Văn học nhà trường – Những điểm nhìn</i>	NXB ĐHSP HN Việt Nam, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
28	<i>Lãnh đạo nhóm</i>	NXB Tri thức Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
29	<i>Phương pháp dạy học Ngữ văn ở THCS</i>	NXB ĐHSP HN Việt Nam, 2007	5	Các học phần và chuyên đề
30	<i>Từ điển tác phẩm văn xuôi Việt Nam (3 tập)</i>	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2010	5	Các học phần và chuyên đề

31	<i>Thi pháp văn xuôi</i>	NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
32	<i>Dân chủ và giáo dục</i>	NXB Tri thức Việt Nam, 2010	5	Các học phần và chuyên đề
33	<i>Tự sự học, một số vấn đề lí luận và lịch sử, phần 2</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
34	<i>Ngôn ngữ học tri nhận: từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i>	Nxb Phương đông, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
35	<i>Văn học trung đại VN dưới góc nhìn văn hóa</i>	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
36	<i>Vườn thơ trăm hương sắc – Nhật Bản</i>	NXB Thế giới, 2010	5	Các học phần và chuyên đề
37	<i>Hợp tuyển văn học Nhật Bản - Từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XIX</i>	NXB Lao động - TTVH ngôn ngữ Đông Tây, 2010	5	Các học phần và chuyên đề
38	<i>Phương pháp dạy và học Làm văn</i>	NXB ĐH QGHN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
39	<i>Phương pháp dạy và học kĩ năng làm văn</i>	NXB ĐH QGHN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
40	<i>Lí luận văn học – những vấn đề hiện đại</i>	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
41	<i>Tìm lại di sản</i>	NXB Văn hóa văn nghệ TP HCM 2013	5	Các học phần và chuyên đề
42	<i>Những điều trường Harvard thật sự dạy</i>	NXB ĐH KTQD HN Việt	5	Các học phần và chuyên đề

	<i>bạn</i>	Nam, 2009		
43	<i>Những điều trường Harvard không dạy bạn</i>	NXB ĐH KTQD HN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
44	<i>Những điều trường Harvard vẫn không dạy bạn</i>	NXB ĐH KTQD HN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
45	<i>Luật trí não</i>	NXB Thế giới Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
46	<i>Giải mã văn học từ mã văn hoá</i>	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
47	<i>Bút pháp của ham muốn</i>	NXB Tri thức, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
48	<i>Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương cho học sinh Tiểu học</i>	NXB Giáo dục Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
49	<i>Hiểu văn - dạy văn</i>	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2010	5	Các học phần và chuyên đề
50	<i>Đọc và tiếp nhận văn chương</i>	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
51	<i>Không gian văn học đương đại</i>	NXB Phụ nữ, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
52	<i>Nguyễn Công Hoan, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
53	<i>Nguyễn Bính, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
51	<i>Thạch Lam, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
52	<i>Xuân Quỳnh, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
53	<i>Nguyễn Minh Châu, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2013	5	Các học phần và chuyên đề



54	<i>Nam Cao, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2013	5	Các học phần và chuyên đề
55	<i>Tố Hữu, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
56	<i>Hàn Mặc Tử, tác phẩm và lời bình</i>	NXB Hội Nhà văn, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
57	<i>Phê bình văn học Việt Nam lục tỉnh</i>	NXB Trẻ, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
58	<i>Phê bình văn học Việt Nam hiện đại</i>	NXB Văn học, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
59	<i>Đi tìm xuất xứ thơ Hồ Chí Minh</i>	NXB Văn học, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
60	<i>Thi nhân Việt Nam</i>	NXB Văn học, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
61	<i>Dòng chảy văn hóa xứ Nghệ từ Truyện Kiều đến Phong trào thơ mới</i>	NXB Văn học, Việt Nam, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
62	<i>Lí luận phê bình văn học ở đô thị miền Nam 1954-1975</i>	Nxb Hội Nhà văn Việt Nam, 2009	5	
63	<i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i>	Nxb ĐHQG, 2007	5	Các học phần và chuyên đề
64	<i>Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy</i>	Nxb Từ điển Bách khoa, Việt Nam, 2010	5	Các học phần và chuyên đề
65	<i>Tiểu thuyết đương đại</i>	Nxb Văn hóa thông tin, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
66	<i>Tiểu thuyết Việt Nam 1945-1975</i>	Nxb Văn học, Việt Nam, 2012	5	Các học phần và chuyên đề
67	<i>Đặc trưng truyện ngắn Anh Mĩ</i>	Nxb ĐHSP HN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
68	<i>Văn học Nga trong nhà trường</i>	Nxb Giáo dục, Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
69	<i>Những cấu trúc của thơ</i>	NXB ĐHQG, 2011	5	Các học phần và chuyên đề

70	<i>Truyện ngắn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975</i>	Nxb Hội Nhà văn, Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
71	<i>Lí luận văn học, Tập 1</i>	NXB ĐHSP HN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
72	<i>Lí luận văn học, Tập 2</i>	NXB ĐHSP HN Việt Nam, 2008	5	Các học phần và chuyên đề
73	<i>Lí luận văn học, Tập 3</i>	NXB ĐHSP HN Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
74	<i>Lí luận văn học</i>	NXB Văn học, Việt Nam, 2009	5	Các học phần và chuyên đề
75	<i>Những đổi mới cơ bản của thơ Việt Nam đương đại</i>	NXB ĐHSP HN Việt Nam, 2011	5	Các học phần và chuyên đề
	<b>Cộng</b>		<b>375</b>	

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**PGS. TS. NGUYỄN MẠNH AN**

## 2.3. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### 2.3.1. Danh mục đề tài khoa học của giảng viên đã và đang thực hiện liên quan đến chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt

STT	Tên đề tài	Cấp quyết định, Mã số	Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt kết quả nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập hướng dẫn sinh viên học hợp tác trong dạy học các học phần Lịch sử văn học ở đại học	Bộ GD&ĐT	Nghiệm thu cấp Bộ ngày 30/10/2011	Tốt
2	Các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học chương trình văn học địa phương trong các trường THCS tỉnh Thanh Hoá.	Bộ GD&ĐT	Số 969/QĐ-BGDĐT Ngày 10/3/2010	Tốt
3	Nghiên cứu xây dựng hệ thống giải pháp nâng cao chất lượng dạy học chương trình Ngữ văn địa phương trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	UBND tỉnh Thanh Hóa	Số /QĐ-SKH&CN Ngày 2015	Xuất sắc
4	Nghiên cứu lựa chọn giải pháp nâng cao chất lượng dạy học văn nghị luận trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn Trung học cơ sở	Trường	Số 969/QĐ-BGDĐT Ngày 10/3/2010	Tốt
5	Dạy học đọc – hiểu văn bản nghị luận trong chương trình, SGK Ngữ văn Trung học cơ sở	Trường	Số 998/QĐ-ĐHHD Ngày 28/12/2006	Xuất sắc

6	Đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo giáo viên ở trường Đại học Hồng Đức	Bộ GD&ĐT	Số 62/QĐ-ĐHHD Ngày 12/3/2003	Khá
7	Nâng cao năng lực cảm thụ, phân tích văn học cho HS lớp 6 và lớp 7, THCS	Dự án PTGD THCS - Bộ GD&ĐT	Số 349/QĐ-ĐHHD Ngày 24/9/2004	Xuất sắc
8	Sự kế thừa và đổi mới của chương trình sách giáo khoa và phương pháp dạy học phân môn Văn ở THCS	Dự án PTGD THCS - Bộ GD&ĐT	Số 349/QĐ-ĐHHD Ngày 24/9/2004	Khá
9	Bài tập tự đánh giá kiến thức Ngữ văn THCS lớp 6, lớp 7 ở Thanh Hóa	Dự án PTGD THCS - Bộ GD&ĐT	Số 349/QĐ-ĐHHD Ngày 16/4/2004	Xuất sắc
10	Tìm hiểu vẻ đẹp của văn miêu tả.	Trường	Số 56/ĐHHD-QLKH Ngày 12/12/2002	Khá
11	Xây dựng hệ thống bài tập rèn kỹ năng diễn đạt trong tạo lập kiểu văn bản tự sự cho học sinh THCS	Trường	Số 1605/QĐ-ĐHHD Ngày 17/12/2010	Xuất sắc
12	Biện pháp, cách thức rèn kỹ năng kết hợp các yếu tố biểu đạt trong tạo lập văn bản thuyết minh cho HS THCS	Trường	Số 1606/QĐ-ĐHHD Ngày 17/12/2010	Xuất sắc
13	Nghiên cứu tiến trình vận động của thơ Nôm Đường luật Việt Nam thời trung đại	Bộ GD&ĐT	Số 969/QĐ-BGDĐT Ngày 10/3/2010	Tốt
14	Diện mạo của văn học yêu nước nửa cuối thế	Trường	Số 51/QĐ-ĐHHD	Khá

	kỉ XIX ở ở Việt Nam		Ngày 11/12/2005	
15	Nghiên cứu sự hình thành và vận động của thể loại tự truyện trong nền văn học hiện đại Việt Nam	Trường	Số 528/QĐ-ĐHHD Ngày 9/5/2011	Khá
16	Diện mạo truyện ngắn Việt Nam 1945-1975	Trường	Số 297/QĐ-ĐHHD Ngày 16/4/2006	Xuất sắc
17	Tìm hiểu những sinh hoạt văn hoá dân gian của dân tộc Mường ở Thanh Hóa	Trường	Số 998/QĐ-ĐHHD Ngày 28/12/2006	Khá
18	Nghiên cứu đặc điểm của tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1900 – 1930	Trường	Số 677/ QĐ - ĐHHD Ngày 30/6/2009	Xuất sắc
19	Nghiên cứu nét đặc sắc của nghệ thuật trào phúng trong thơ nôm Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương	Trường	Số 275/ QĐ - ĐHHD Ngày 12/3/2010	Khá
20	Thiết kế quy trình dạy học các kiểu bài Tiếng Việt ở Tiểu học	2008	Số 505/QĐ-ĐHHD Ngày 29/5/2008	Khá
21	Nghiên cứu sự vận động của truyện ngắn Việt Nam sau 1975	Trường	Số 675/ QĐ - ĐHHD Ngày 30/6/2009	Xuất sắc
22	Nghiên cứu tiến trình thơ Nôm Đường luật từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII	Trường	Số 678/ QĐ - ĐHHD Ngày 30/6/2009	Xuất sắc
23	Giải mã biểu tượng cây si trong văn học dân gian của người Mường	Trường	Số 1607/QĐ-ĐHHD Ngày 17/12/2010	Xuất sắc

24	Sự hình thành và vận động của thể loại tự truyện trong nền văn học hiện đại Việt Nam	Trường	Số 1579 /QĐ-ĐHHĐ Ngày 26/8/2011	Xuất sắc
25	Văn xuôi Việt Nam về đề tài tha hương đầu thế kỉ XXI	Bộ	Số 1605/QĐ-ĐHHĐ Ngày 13/10/2015	Tốt
26	Đặc điểm nổi bật của văn học yêu nước nửa sau thế kỷ XIX ở Việt Nam	Bộ	Số 1612/QĐ-ĐHHĐ Ngày 23/9/2014	Tốt

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**PGS. TS. NGUYỄN MẠNH AN**

### 2.3.2. Danh mục các hướng nghiên cứu đề tài luận án và số lượng NCS có thể tiếp nhận

<i>S TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn NCS</i>	<i>Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn NCS</i>	<i>Số lượng NCS có thể tiếp nhận</i>
1	Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống, PGS.TS Hoàng Thị Mai, GS. TS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Lê Thị Phụng, TS Phạm Thị Anh, PGS.TS. Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Minh Đức.	3
2	Vận dụng các lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường Việt Nam	GS.TS. Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS. Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Minh Đức, PGS.TS Lê Thị Phụng.	3
3	Vận dụng các thành tựu của Tâm lí học, Giáo dục học hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở nhà trường Việt Nam	GS.TS. Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống, GS. TS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Lê Thị Phụng, TS Phạm Thị Anh, PGS.TS. Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Minh Đức.	3
4	Dạy học văn theo hướng phát triển năng lực học sinh và đáp ứng nhu cầu xã hội	PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng, Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Minh Đức.	3
5	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm, kĩ năng	PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị	3

	sống cho HS qua dạy học Ngữ văn	Phượng, Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Minh Đức.	
6	Chuẩn đầu ra của việc học Ngữ văn và dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra.	PGS.TS Hoàng Thị Mai, GS. Lê A, PGS.TS Lê Thị Phượng, TS Phạm Thị Anh, Phạm Thị Thu Hương, PGS.TS. Bùi Minh Đức.	3
7	Xây dựng câu hỏi, bài tập trong dạy học Ngữ văn	PGS.TS Hoàng Thị Mai, GS. Lê A, PGS.TS Lê Thị Phượng, TS Phạm Thị Anh	3
8	Văn bản và dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông	GS. Lê A, PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống, PGS.TS Lê Thị Phượng, TS. Phạm Thị Anh, TS. Phạm Minh Diệu.	3
9	Tích hợp trong dạy học Ngữ văn	GS.TS. Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Hoàng Thị Mai, GS. Lê A, PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống, PGS.TS Lê Thị Phượng, TS. Phạm Thị Anh.GS.	3
10	Đa trí tuệ trong lớp học và dạy học phát triển tư duy sáng tạo qua môn làm văn	GS.TS. Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Hoàng Thị Mai, GS. Lê A, PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống, PGS.TS Lê Thị Phượng, TS. Phạm Thị Anh.	3
11	Chương trình đánh giá giáo dục quốc tế PISA và bộ đánh giá năng lực B.loom với việc đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở	PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống, GS. Lê A, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phượng, PGS.TS. Bùi Minh Đức, TS. Phạm Thị Anh,	3



12	trường phổ thông. Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn.	PGS.TS Lê Thị Phương, GS. Lê A, TS. Phạm Thị Anh, PGS.TS Hoàng Thị Mai	3
13	Các lí thuyết học tập và chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học làm văn	PGS.TS Lê Thị Phương, GS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, , TS. Phạm Thị Anh, TS. Phạm Minh Diệu.	3
14	Phương pháp, kĩ thuật dạy học làm văn phát triển năng lực người học	GS. Lê A; PGS.TS. Hoàng Thị Mai; PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Lê Thị Phương, TS. Phạm Thị Anh, TS. Phạm Minh Diệu.	3
15	Xây dựng bài tập trong dạy học tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh	GS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, TS. Phạm Thị Anh, PGS.TS Lê Thị Phương, PGS.TS Hoàng Thị Mai, TS. Phạm Minh Diệu.	3
16	Quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	GS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, TS. Phạm Thị Anh, TS. Phạm Minh Diệu.	3
17	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt	GS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, TS. Phạm Thị Anh, TS. Phạm Minh Diệu.	3
18	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt	GS. Lê A, PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh, TS. Phạm Thị Anh, TS. Phạm Minh Diệu.	3

**2.3.3. Danh mục các công trình công bố của cán bộ cơ hữu thuộc chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt trong 5 năm trở lại đây**

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Quy trình tự đặt câu hỏi và chiến thuật dạy học sinh tự đặt câu hỏi khi đọc - hiểu văn bản văn chương ở nhà trường Trung học	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 8/2015, tr.146-154
2	Sử dụng các phiên bản của biểu đồ K-W-L vào việc dạy đọc - hiểu văn bản văn chương ở nhà trường Trung học phổ thông	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Giáo dục số 370, kì 2, tháng 11/2015, tr.28-31
3	Tự đặt câu hỏi khi đọc - hiểu văn bản kịch ở trường Trung học phổ thông	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hồng Đức số 27, 12/2015
4	Dạy học sinh Trung học phổ thông tự đặt câu hỏi khi đọc - hiểu văn bản tự sự	Hoàng Thị Mai	Kỉ yếu hội thảo khoa học toàn quốc, NXB Giáo dục Việt Nam 2016, tr. 597.607
5	Tự đặt câu hỏi khi đọc - hiểu văn bản trữ tình ở trường trung học phổ thông	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học Giáo dục số 125, tháng 2/2016
6	Xây dựng một số dạng câu hỏi, bài tập cho sinh viên thảo luận, thực hành nhóm khi tìm hiểu, nghiên cứu về tác gia văn học	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học, ĐHSP Hà Nội số 6, 2011
7	Lí thuyết ứng đáp của người đọc và việc đổi mới phương pháp dạy đọc Văn ở nhà trường phổ thông	Hoàng Thị Mai	Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2013
8	Nhan đề tác phẩm văn học và dạy học sinh đọc Văn từ nhan đề tác phẩm	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học, ĐHSP Hà Nội, số 1/2013
9	Phát triển các kĩ năng tư duy phê phán cho sinh viên qua	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học Giáo dục,

	hoạt động nghiên cứu, phê bình và tiếp nhận văn học		Viện KHGD Việt Nam, số 92/2013
10	Các nguyên tắc, thủ pháp tạo dựng câu hỏi, bài tập cho sinh viên học hợp tác khi tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử văn học	Hoàng Thị Mai	Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện KHGD Việt Nam, số 88/ 2013
11	Đáp án mở cho đề văn nghị luận ra theo hướng mở	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 115, 4/2015
12	Rèn tư duy năng động sáng tạo cho học sinh qua các tiết dạy Tập làm văn về địa phương Thanh Hóa ở THCS.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 111, 12/2014
13	Về chương trình, tài liệu dạy học kiến thức Văn học địa phương Thanh Hóa ở THCS.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 80, 5/2012
14	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy học Văn học địa phương trong các trường THCS tỉnh Thanh Hóa.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 86, 11/2012
15	Dạy học Văn ở nhà trường phổ thông dưới tác động của một số khuynh hướng lí luận hiện đại.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 95, 8/2013
16	Nâng cao chất lượng đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành cử nhân Ngữ văn ở trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục Số 76, 1/2012
17	Nguyên tắc rèn kĩ năng sử dụng kết hợp các yếu tố biểu đạt trong tạo lập kiểu văn bản thuyết minh cho học sinh THCS và THPT.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt 5/2015
18	Dạy học Ngữ văn địa phương ở THCS theo hướng tích hợp và phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt 6/2014
19	Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt ở trường đại học Hồng Đức.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 103, 4/2014
20	Giải pháp nâng cao chất lượng nội dung chương trình, sách Ngữ văn địa phương Thanh Hóa cấp THCS.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục số 329, 3/2014
21	Đổi mới kiểm tra đánh giá phần Văn học địa phương trong	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục, số đặc

	các trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.		biệt, 9/2012
22	Đạy đọc hiểu văn học địa phương ở nhà trường phổ thông theo đặc trưng loại thể.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục số 287, 6/2012
23	Xây dựng đáp án mở cho đề văn nghị luận ở lớp 9	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục, Số 356, 4/2015
24	Một số vấn đề dạy học phân môn Tập làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn 9.	Lê Thị Phụng	Tạp chí Giáo dục, số 303, 2/2013
25	Ngữ liệu trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục, số 236, 2010
26	Rèn luyện cho học sinh phổ thông phương pháp làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý”	Phạm Thị Anh	Tạp chí Khoa học, trường Đại học Hồng Đức, số 4, 2010
27	Sự phát triển của từ ngữ tiếng Việt trong thời đại khoa học công nghệ thông tin từ góc nhìn nhà trường	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục, số 255, 2010
28	Phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp trong sách giáo khoa Ngữ văn Trung học cơ sở	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục (số đặc biệt), 2011
29	Hình thành năng lực nhận xét, phân tích, đánh giá về cách sử dụng từ ngữ cho giáo viên phổ thông trong dạy học thơ trữ tình	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục (số đặc biệt), 2011
30	Đạy học kiểu bài hình thành khái niệm ngữ pháp cho học sinh phổ thông	Phạm Thị Anh	Giáo dục và Xã hội, số 12, 2011
31	Vận dụng nguyên tắc trực quan trong dạy học Phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp cho HS THCS	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục, số 255, 2012
32	Một số vấn đề về câu ghép trong SGK Ngữ văn THCS	Phạm Thị Anh	Giáo dục và Xã hội, số 74, 2012
33	Những thuận lợi và khó khăn khi dạy học phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp trong CT, SGK Ngữ văn THCS	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục, số 322, 2012
34	Sử dụng mô hình, bảng, biểu trong dạy học Ngữ pháp tiếng	Phạm Thị Anh	Tạp chí Khoa học trường Đại

	Viết cho HS THCS hiện nay		học Hồng Đức, số 17, 2012
35	Vận dụng tri thức lý luận văn học trong bài làm văn nghị luận cho học sinh lớp 12	Phạm Thị Anh	Tạp chí Khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 4, 2015
36	Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận trong việc tiếp cận bài thơ “Sóng” (Xuân Quỳnh) cho học sinh THPT	Phạm Thị Anh	Tạp chí Giáo dục, số 375, 2016
37	Xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá năng lực sinh viên ngành sư phạm ngữ văn trong dạy học các học phần trung đại Việt Nam	Phạm Thị Anh	Giáo dục và Xã hội, số 60, 2016
38	Sự cần thiết dạy học theo hướng phát triển kỹ năng học tập hợp tác cho SV ĐHSP.	Nguyễn Thị Thanh	<i>Tạp chí giáo dục</i> , kỳ 1-3/2012 tr 30.
39	Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong dạy học theo hướng phát triển kỹ năng học tập hợp tác	Nguyễn Thị Thanh	<i>ạp chí giáo dục</i> , kỳ 1-5/2012 tr 30.
40	ay học hợp tác - hướng khắc phục những hạn chế của dạy học truyền thống	Nguyễn Thị Thanh	<i>tạp chí Xã hội -Giáo Dục</i> số 43 (104 tháng 10-2014) tr 18
41	Các yêu cầu và kỹ thuật dạy học hợp tác	Nguyễn Thị Thanh	<i>tạp chí Khoa học Giáo dục</i> số 114 ( tháng 3/2015)
42	Mô hình năng lực của giáo viên trung học theo tiếp cận năng lực nghề nghiệp	Nguyễn Thị Thanh	<i>ạp chí Xã hội -Giáo Dục</i> số 59 (120 tháng 2/2016)
43	Sử dụng hệ thống bài tập môn giáo dục học trong dạy học theo hệ thống tín chỉ	Hồ Thị Dung	Tạp chí Giáo dục, 2012
44	Một số khó khăn đối với sinh viên khi giải quyết các bài tập Giáo dục học	Hồ Thị Dung	Tạp chí Giáo dục, 2012
45	Quy trình sử dụng bài tập Giáo dục học trong giờ thảo luận ở trường đại học Hồng Đức	Hồ Thị Dung	Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2014
46	Sử dụng bài tập trong dạy học môn Giáo dục học tại các trường đại học hiện nay	Hồ Thị Dung	Tạp chí Khoa học, trường Đại học Hồng Đức, 2014
47	Hoạt động rèn luyện NVSP của sinh viên trường đại học	Hồ Thị Dung	Tạp chí khoa học Giáo dục,

	Hồng Đức tại các cơ sở thực hành		2015
48	Giáo dục kỹ năng ra quyết định – một kỹ năng sống cốt lõi của sinh viên	Lê Thị Thu Hà	Tạp chí khoa học, trường đại học sư phạm Hà Nội, 2012
49	Thực trạng nhận thức về kỹ năng ra quyết định của sinh viên các trường đại học hiện nay	Lê Thị Thu Hà	Tạp chí Tâm lý học số 7, 2012
50	Thực trạng nghiên cứu khoa học của sinh viên trường đại học Hồng Đức và một số đề xuất	Lê Thị Thu Hà	Tạp chí Khoa học, trường Đại học Hồng Đức, số 10, 2012
51	Các biện pháp giáo dục kỹ năng ra quyết định cho sinh viên	Lê Thị Thu Hà	TC Giáo dục số 307, 2013
52	Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ra quyết định của sinh viên	Lê Thị Thu Hà	TC Giáo dục, số 336, 2014
53	Thực trạng và nguyên nhân Stress trong học tập của học sinh lớp 12, THPT	Lê Thị Thu Hà	TC Tâm lý học, số 9, 2015

**GIÁM ĐỐC  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**PGS.TS. NGUYỄN MẠNH AN**

## 2.4. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Qua 17 năm thành lập, trường đại học Hồng Đức đã thiết lập được mối quan hệ với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế trên thế giới như: ĐH Columbia, Lansing, Tidewater, Old Dominion (Hoa Kỳ); ĐH Olds, Selkirk, Fraser Valley (Canada); ĐH Địa Trung Hải (Marseille- Pháp), ĐH Công nghệ Hoàng gia Rajamangala Suvarnabhumi, Thanyaburi, Krungthep (Thái Lan); ĐH Chuxiong, Hải Dương (Trung Quốc); ĐH tự do VUB (Bỉ); ĐH Greiwarld (Đức); ĐH Maladenla (Thụy Điển); Các tổ chức WUSC (Canada), Project Trust (Anh), SCJ (Nhật Bản), AEI, ANESVAD (Tây Ban Nha)...

Trường đã triển khai có hiệu quả một số dự án quốc tế như: Dự án Trung tâm Giáo dục Nông nghiệp (AEC- Canada), Dự án Phòng chống Ma túy trong trường sư phạm (UNDP tài trợ), Dự án Dân số - Sức khỏe sinh sản (ADB tài trợ), Dự án hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học giữa trường ĐH cộng đồng Tidewater (Hoa Kỳ) và trường ĐH Hồng Đức.

Nhà trường cũng đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học quốc tế như phối hợp với chương trình Fulbright tổ chức các hội thảo: *Phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại và bền vững (2008); Mô hình các trường ĐH địa phương ở Việt Nam (2009), Quản trị trong các trường ĐH địa phương ở Việt Nam (2010)*...

Từ năm học 209-2011, Nhà trường đã thực hiện thành công 2 đề tài khoa học *Nghiên cứu ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hóa* (phối hợp với ĐH Rajamangala Suvarnabhumi - Thái Lan) và *Nghiên cứu sản xuất một số giống lúa thuần năng suất cao phù hợp với điều kiện khí hậu tại Thanh Hoá* (phối hợp với ĐH Hải Dương - Trung Quốc).

Hiện tại, nhà trường đang tập trung đẩy mạnh Đề án “*Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài*” từ nguồn ngân sách của Tỉnh. Mục tiêu của đề án là trong 10 năm (2006-2015) đào tạo được 500 cán bộ, trong đó có 100 thạc sĩ, 50 tiến sĩ theo hình thức liên kết và gửi đào tạo tại các trường đại học nước ngoài. Đến nay, đề án đã tổ chức đào tạo được 6 khóa tiếng Anh trình độ quốc tế cho 197 học viên ; 98 học viên đã được gửi đi đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở các nước Mỹ, châu Âu, Trung Quốc, Thái Lan; 21 học viên đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ trở về trường công tác.

Kết quả hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của nhà trường.

## **Phần thứ tư**

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VĂN – TIẾNG VIỆT**

## **1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Khái quát chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành lí luận và phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt – Làm văn; có kiến thức rộng về các ngành liên quan như Giáo dục học, Tâm lí học, Văn học, Ngôn ngữ học, Văn hóa, Xã hội; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, học thuật.

Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện khả năng nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

#### **a) Phần 1: Các học phần bổ sung**

- Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

- Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần phù hợp với chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

- Nghiên cứu sinh có bằng cử nhân ngành phù hợp phải học bổ sung 30 tín chỉ thuộc các học phần cơ sở và chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

- Trong trường hợp chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo ở trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt, Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức sẽ xem xét, quyết định yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ Đại học.



## **b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

### ***b.1) Các học phần ở trình độ tiến sĩ***

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực nghiên cứu Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng 2 tín chỉ.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 học phần với khối lượng 8 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó:

+ Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt.

+ Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

### ***b.2) Khối kiến thức chuyên đề tiến sĩ:***

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ theo các nguyên tắc sau:

Mỗi chuyên đề có thời lượng 2 tín chỉ. Người hướng dẫn khoa học luận án của nghiên cứu sinh sẽ đề xuất đề tài cụ thể. Ưu tiên đề xuất tên chuyên đề gắn với đề tài của luận án Tiến sĩ. Sau khi đã có đề tài cụ thể, NCS thực hiện đề tài đó dưới sự hướng dẫn khoa học của người hướng dẫn chuyên đề. Danh mục các chuyên đề được cập nhật và công bố hàng năm. Việc đánh giá và chấm điểm chuyên đề được thực hiện bằng cách NCS trình bày trước Tiểu ban chấm chuyên đề.

### ***b.3) Bài tiểu luận tổng quan***

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Trường ĐH Hồng Đức quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh. Bài tiểu luận tổng quan không quá 30 trang đánh máy giấy A4.

### **c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ**

#### ***c.1) Nghiên cứu khoa học***

- Việc nghiên cứu khoa học là cơ sở quan trọng cho nghiên cứu sinh viết luận văn tiến sĩ. Nghiên cứu khoa học là hoạt động tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Mỗi năm học viên phải nghiên cứu khoa học liên quan đến chuyên đề tiến sĩ của mình và phải báo cáo kết quả nghiên cứu vào cuối mỗi năm

- Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.”

- Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lí do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học.

#### ***b.2) Luận án tiến sĩ***

- Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

- Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của

riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

\* Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

\* Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

\* Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

\* Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

\* Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

\* Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

\* Phụ lục (nếu có).”

- Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

- Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

- Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ

sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

- Trường đại học Hồng Đức quy định cụ thể quy cách trình bày luận án theo từng chuyên ngành của Nhà trường, đảm bảo luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc; không tẩy xóa.

## **1.2. Tóm tắt chương trình đào tạo**

### **1.2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp:**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **86 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 16 tín chỉ
  - + Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ
    - Bắt buộc: 4 tín chỉ
    - Tự chọn: 4 tín chỉ
  - + Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

**1.2.2. Đối với NCS có bằng cử nhân ngành phù hợp:** phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **117 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 31 tín chỉ
  - + Khối kiến thức chung (bắt buộc): 3 tín chỉ
  - + Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: 18 tín chỉ
    - Bắt buộc: 14 tín chỉ
    - Tự chọn: 4 tín chỉ
  - + Khối kiến thức chuyên ngành: 10 tín chỉ
    - Bắt buộc: 6 tín chỉ
    - Tự chọn: 4 tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 16 tín chỉ
  - + Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ
    - Bắt buộc: 4 tín chỉ
    - Tự chọn: 4 tín chỉ

- + Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo)
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

### 1.3. Khung chương trình

#### 1.3.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng cử nhân ngành phù hợp

TT	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG</b> (các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ)						
<b>I.1</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>3</b>				
1	BSTH 501	Triết học	3	35	20	135	
<b>I.2</b>	<b>Khối kiến thức nhóm chuyên ngành</b>		<b>18</b>				
<b>I.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>14</b>				
2	BSTP502	Thi pháp học	2	25	10	90	
3	BSVH503	Văn học và nhà trường	2	25	10	90	
4	BSTV504	Tiếng Việt và nhà trường	2	25	10	90	
5	BSLV505	Làm văn trong nhà trường	2	25	10	90	
6	BSTL506	Hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam	2	25	10	90	
7	BSĐM507	Đổi mới văn học Việt Nam từ sau 1975	2	25	10	90	
8	BSNL508	Văn nghị luận và kĩ năng làm văn nghị luận	2	25	10	90	
<b>I.2.2</b>	<b>Tự chọn - Chọn 4/7 học phần sau:</b>		<b>4/7</b>				
9	BSTN509	Lí thuyết tiếp nhận văn học với việc giảng dạy tác phẩm văn chương	2	25	10	90	
10	BSCH510	Câu hỏi, bài tập trong dạy học đọc hiểu văn bản ở nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
11	BSVB511	Đọc hiểu văn bản văn học	2	25	10	90	
12	BSNN512	Ngôn ngữ và văn học	2	25	10	90	
13	BSNH513	Ngữ nghĩa học và dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
14	BSLN514	Phương pháp phát triển lời	2	25	10	90	

TT	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		nói cho học sinh					
<b>I.3</b>	<b>Khôi kiến thức chuyên ngành</b>		<b>10</b>				
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
17	BSCS517	Những cơ sở lí thuyết của phương pháp DH Tiếng Việt	2	25	10	90	
18	BSGT518	Lí thuyết giao tiếp và việc tổ chức dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
19	BSDG519	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Ngữ văn	2	25	10	90	
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>4</b>				
20	BSDG520	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học dân gian					
21	BSCT521	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông					
22	BSTD522	Thi pháp văn học trung đại và việc giảng dạy văn học trung đại ở nhà trường phổ thông					
23	BSHT523	Học hợp tác và việc tổ chức cho học sinh học hợp tác trong dạy học Văn					
<b>II</b>	<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>						
<b>II.1</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>8</b>				
<b>II.1.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>4</b>				
1	PPTD601	Phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho học sinh qua dạy học văn	2	25	10	90	

TT	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
2	PPHT602	Các lí thuyết học tập và chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản	2	25	10	90	
<b>I.1.2</b>	<b>Tự chọn - Chọn 2/5 học phần sau:</b>		<b>4</b>				
3	PPCT603	Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	2	25	10	90	
4	PPBT604	Xây dựng bài tập trong dạy học tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh	2	25	10	90	
5	PPUĐ605	Lí thuyết ứng đáp của người đọc và việc dạy học văn ở nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
6	PPHV606	Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam	2	25	10	90	
7	PPQĐ607	Quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	2	25	10	90	
<b>I.3</b>	<b>Các chuyên đề tiến sĩ - Chọn 3/9 chuyên đề sau:</b>		<b>6</b>				
8	PPPB608	Một số lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại với việc đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
9	PPXC609	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm cho học sinh qua dạy học văn	2	25	10	90	



TT	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
10	PPVB610	Văn bản và dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường	2	25	10	90	
11	PPVD611	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào DH tiếng Việt ở PT	2	25	10	90	
12	PPSD612	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt	2	25	10	90	
13	PPPT613	Đa trí tuệ trong lớp học và dạy học phát triển tư duy sáng tạo qua môn làm văn	2	25	10	90	
14	PPGD614	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở bậc phổ thông định hướng phát triển năng lực học sinh	2	25	10	90	
15	PPTH615	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm tích hợp	2	25	10	90	
16	PPQĐ616	Những quan điểm cơ bản của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.	2	25	10	90	
<b>II.4</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
17	PPTQ 617	Tiểu luận tổng quan	2				
<b>III</b>	<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
<b>IV</b>	<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>						
18	PPLA618		<b>70</b>				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>117</b>				

**1.3.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp**

ST	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>						
<b>I.1</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>8</b>				
<b>I.1.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>4</b>				
1	PPTD601	Phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho học sinh qua dạy học văn	2	25	10	90	
2	PPHT602	Các lí thuyết học tập và chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản	2	25	10	90	
<b>I.1.2</b>	<b>Tự chọn – Chọn 2/5 học phần sau:</b>		<b>4</b>				
3	PPCT603	Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	2	25	10	90	
4	PPBT604	Những quan điểm cơ bản của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.	2	25	10	90	
5	PPUĐ605	Lí thuyết ứng đáp của người đọc và việc dạy học văn ở nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
6	PPHV606	Dạy học văn theo hướng phát triển năng lực học sinh và đáp ứng yêu cầu xã hội	2	25	10	90	
7	PPQĐ607	Quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	2	25	10	90	

ST	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.3	<b>Các chuyên đề tiến sĩ - Chọn 3/9 chuyên đề sau:</b>		<b>6</b>				
8	PPPB608	Một số lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại với việc đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường phổ thông	2	25	10	90	
9	PPXC609	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm cho học sinh qua dạy học văn	2	25	10	90	
10	PPVB610	Văn bản và dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường	2	25	10	90	
11	PPNN611	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào DH tiếng Việt ở PT	2	25	10	90	
12	PPSD612	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt	2	25	10	90	
13	PPPT613	Đa trí tuệ trong lớp học và dạy học phát triển tư duy sáng tạo qua môn làm văn	2	25	10	90	
14	PPGD614	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở bậc phổ thông định hướng phát triển năng lực học sinh	2	25	10	90	
15	PPTH615	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm tích hợp	2	25	10	90	
16	PPQĐ616	Những quan điểm cơ bản của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.	2	25	10	90	

ST	Mã số Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.4	Tiểu luận tổng quan		2				
17	PPTQ 617	Tiểu luận tổng quan	2				
II	<b>PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> ( <i>NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn</i> )						
III	<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>						
18	PPLA618	Luận án	70				
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>86</b>				

#### 1.4. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

<b>Thời Gian</b>	<b>NCS tốt nghiệp đại học</b>	<b>NCS tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành gần phù hợp</b>	<b>NCS tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành phù hợp</b>
<b>Năm 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ đại học theo yêu cầu (nếu có).</li> <li>- Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.</li> <li>- Hoàn thành các học phần tiến sĩ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ</li> <li>- Hoàn thành các học phần tiến sĩ.</li> <li>- Hoàn thành phê duyệt đề cương nghiên cứu đề tài luận án.</li> <li>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.</li> <li>- Nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ đại học theo yêu cầu (nếu có)</li> <li>- Hoàn thành các học phần tiến sĩ.</li> <li>- Hoàn thành phê duyệt đề cương nghiên cứu đề tài luận án.</li> <li>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.</li> <li>- Nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan.</li> </ul>
<b>Năm 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành phê duyệt đề cương nghiên cứu đề tài luận án.</li> <li>- Nghiên cứu và hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành 2 chuyên đề và tiểu luận tổng quan.</li> <li>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.</li> <li>- Công bố kết quả nghiên cứu (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành 2 chuyên đề và tiểu luận tổng quan.</li> <li>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.</li> <li>- Công bố kết quả nghiên cứu (nếu có).</li> </ul>
<b>Năm 3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nội dung đề tài luận án.</li> <li>- Công bố kết quả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành việc công bố kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp Bộ môn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành việc công bố kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp Bộ môn.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li> nghiên cứu (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ luận án cấp trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ luận án cấp trường.</li> </ul>
<p><b>Năm 4</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành công bố kết quả nghiên cứu.</li> <li>- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp Bộ môn.</li> <li>- Bảo vệ luận án cấp trường.</li> </ul>		

## 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

### 2.1. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC

#### 2.1.1. PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHÊ PHÁN VÀ TƯ DUY SÁNG TẠO CHO HỌC SINH QUA DẠY HỌC VĂN

1. Tên học phần: *Phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học Văn*
2. Mã học phần: PPTD 601
3. Tên tiếng Anh: *Developing students' critical and creative thinking through teaching literature*
4. Khối lượng: 2TC (Lí thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)
5. Giáo viên phụ trách: PGS.TS Hoàng Thị Mai
6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt
7. Mục tiêu của học phần:

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức cơ bản, khái quát về các loại hình tư duy; đặc trưng, bản chất của các loại hình tư duy bậc cao; vai trò, khả năng và cách thức phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn. từ đó, NCS có thể vận dụng vào việc phát triển lí thuyết phương pháp dạy học Văn, nâng cao kĩ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

#### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Nhận diện được các loại hình tư duy; phân tích, so sánh được đặc trưng, bản chất của 2 loại hình tư duy bậc cao là tư duy phê phán và tư duy sáng tạo; lí giải được vai trò, khả năng phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.
- Vận dụng các loại hình tư duy vào việc phát triển lí thuyết phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.
- Nâng cao kĩ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường.

#### **8. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nghiên cứu khái quát về các loại hình tư duy; nghiên cứu đặc trưng, bản chất của 2 loại hình tư duy bậc cao, xét theo cách thức vận hành là tư duy phê phán và tư duy sáng tạo; nghiên cứu vai trò, khả năng phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua hoạt động học văn; nghiên cứu cách

thức, biện pháp phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn.

### **9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

### **10. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

#### ***Chương 1: Tư duy và phân loại tư duy***

- 1.1. Khái niệm tư duy
- 1.2. Phân loại tư duy
  - 1.2.1. Phân loại tư duy theo lĩnh vực nội dung
  - 1.2.2. Phân loại tư duy theo phương thức thể hiện
  - 1.2.3. Phân loại tư duy theo cách thức vận hành

*Nội dung thực hành:*

- Các loại tư duy bậc cao xét theo cách thức vận hành và mối quan hệ giữa chúng? Minh họa từ thực tế dạy văn, học văn.

#### ***Chương 2: Tư duy phê phán và rèn luyện tư duy phê phán cho HS qua dạy học Văn***

- 2.1. Khái niệm tư duy phê phán
- 2.2. Đặc trưng, cấu trúc của tư duy phê phán
- 2.3. Vai trò của tư duy phê phán
- 2.4. Thực trạng tư duy phê phán của HS trong hoạt động đọc văn, học văn
- 2.5. Khả năng phát triển tư duy phê phán cho HS qua dạy học văn
- 2.6. Rèn luyện tư duy phê phán cho HS qua dạy học văn
  - 2.6.1. Rèn kỹ năng phát hiện vấn đề và đặt câu hỏi
  - 2.6.2. Rèn kỹ năng lựa chọn thông tin để giải quyết vấn đề
  - 2.6.3. Rèn kỹ năng tìm kiếm các giải pháp khác nhau để giải quyết vấn đề
  - 2.6.4. Rèn kỹ năng kiểm chứng tính đúng đắn/sự thành kiến, sai lầm khi xem xét vấn đề
  - 2.6.5. Rèn kỹ năng hiệu chỉnh cách giải quyết vấn đề khi cần thiết

*Nội dung thực hành:*

- Đặc trưng của một người có tư duy phê phán tốt?  
- Thiết kế một hệ thống câu hỏi, bài tập phát triển tư duy phê phán cho học sinh khi dạy học một văn bản trong chương trình *Ngữ văn*.

#### ***Chương 3 Tư duy sáng tạo và rèn luyện tư duy sáng tạo cho HS qua***



## **dạy học Văn**

- 2.1. Khái niệm tư duy sáng tạo
- 2.2. Đặc trưng, cấu trúc của tư duy sáng tạo
- 2.3. Vai trò của tư duy sáng tạo
- 2.4. Thực trạng tư duy sáng tạo của HS trong hoạt động đọc văn, học văn
- 2.5. Khả năng phát triển tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn
- 2.6. Rèn luyện tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học văn
  - 2.6.1. Rèn kỹ năng “đồng sáng tạo” cùng tác giả
  - 2.6.2. Rèn kỹ năng sản sinh các ý tưởng mới

### *Nội dung thực hành:*

- Đặc trưng của một người có tư duy sáng tạo tốt?
- Thiết kế một hệ thống câu hỏi, bài tập phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh

khi dạy học một văn bản trong chương trình *Ngữ văn*.

## **11. Tài liệu tham khảo**

1. Hibino Chozo (2009), *Tư duy đột phá*, Nxb Trẻ
2. Howard Gardner (2012), *Cơ cấu trí khôn*, Nxb Tri thức
3. Hoàng Thị Mai (2013), *Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán cho sinh viên qua hoạt động nghiên cứu, phê bình và tiếp nhận văn học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 92, tháng 5-2013, tr.20-23.
4. Hoàng Thị Mai (2013), *Tư duy phê phán và tư duy sáng tạo trong cảm thụ văn chương ở nhà trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục số 311, Kì 1 tháng 6/2013
5. Michael J.Gelb (2014), *Tư duy như Leonardo da Vinci*, Nxb Lao động Xã hội
6. C. Rose, M. J. Nicholl (2008): *Kỹ năng học tập siêu tốc thế kỉ XXI*, NXB Tri thức Hà Nội.
7. Scott Thorpe (2012), *Tư duy như Einstein*, Nxb Lao động Xã hội
8. Chi-An Tung, Shu-Jing Chang (2009), *Developing critical thinking through literature reading* (p.292 – Feng Chia Feng Chia Journal of Humanities and Social Sciences, No 19, Dec. 2009.
9. Facione, P.A, (2011), *Think Critically*, Pearson Education: Englewood Cliffs, NJ.
10. A. Fisher (2001): *Critical thinking – An introduction*, Cambridge University Press.

## **2.1.2. CÁC LÝ THUYẾT HỌC TẬP VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC TRONG DẠY HỌC TẠO LẬP VĂN BẢN**

**1. Tên học phần:** Các lý thuyết học tập và chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản

**2. Mã học phần:** PPLT602

**3. Tên tiếng Anh:** Theory of learning and tactics develop competences learner's in teaching writing text.

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Lê Thị Phương; PGS.TS Nguyễn Quang Ninh

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt

### **7. Mục tiêu của học phần**

Học phần cung cấp kiến thức về bản chất và đặc điểm của các lý thuyết học tập khác nhau, chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản dựa trên các lý thuyết học tập. Từ đó NCS có thể vận dụng vào việc phát triển lý thuyết dạy học làm văn ở các cấp theo định hướng phát triển năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội.

#### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi nghiên cứu học phần này, NCS có khả năng:

- Mô tả được bản chất và đặc điểm của các lý thuyết học tập.
- Phân tích được khung năng lực người học và các chiến lược dạy học trong môn làm văn;
- Vận dụng các lý thuyết học tập vào việc đề xuất các chiến lược phát triển năng lực học sinh thông qua dạy học tạo lập văn bản ở bậc phổ thông;
- Đánh giá các chiến lược dạy học phát triển năng lực người học dựa trên cơ sở lý thuyết học tập.

### **8. Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần nghiên cứu các lý thuyết học tập cơ bản (Thuyết phản xạ có điều kiện và những đặc điểm của học tập theo thuyết phản xạ có điều kiện, thuyết hành vi và những đặc điểm của học tập theo thuyết hành vi, thuyết nhận thức và những đặc điểm của học tập theo thuyết nhận thức, thuyết kiến tạo và những đặc điểm của học tập theo thuyết kiến tạo, thuyết đáp ứng và những đặc điểm của học tập theo thuyết đáp ứng); nghiên cứu các tiêu chí biểu hiện năng lực người học được hình thành và phát triển trong dạy học tạo lập văn bản; Nghiên cứu

cách thức, biện pháp phát triển phẩm chất, năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội thông qua dạy học tạo lập văn bản.

## **9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

## **10. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

### **Chương 1: Các lí thuyết học tập**

- 1.1. Thuyết phản xạ có điều kiện của Pavlov
  - 1.1.1. Bản chất của thuyết phản xạ có điều kiện
  - 1.1.2. Cơ chế kích thích - phản ứng trong học tập
- 1.2. Thuyết hành vi
  - 1.2.1. Những quan niệm cơ bản của thuyết hành vi
  - 1.2.2. Những đặc điểm của học tập theo thuyết hành vi
- 1.3. Thuyết nhận thức
  - 1.3.1. Những quan niệm cơ bản của các lí thuyết nhận thức
  - 1.3.2. Những đặc điểm cơ bản của học tập theo lí thuyết nhận thức
- 1.4. Thuyết kiến tạo
  - 1.4.1. Những quan niệm cơ bản của thuyết kiến tạo
  - 1.4.2. Những đặc điểm cơ bản của học tập theo thuyết kiến tạo
  - 1.4.3. Một số xu hướng của thuyết kiến tạo
- 1.5. Thuyết đáp ứng
  - 1.5.1. Những quan niệm cơ bản của thuyết đáp ứng
  - 1.5.2. Những đặc điểm cơ bản của học tập theo thuyết đáp ứng

### **Nội dung thực hành:**

1. So sánh các quan niệm và những đặc điểm cơ bản của các lí thuyết học tập
2. Phân tích khả năng ứng dụng các lí thuyết học tập trong dạy học làm văn ở trường phổ thông
3. Xây dựng ví dụ minh họa cho việc vận dụng các lí thuyết học tập thông qua một kế hoạch dạy học làm văn cụ thể.

### **Chương 2: Các chiến lược học tập**

- 2.1. Chiến lược học tập
  - 2.1.1. Khái niệm chiến lược học tập
  - 2.1.2. Phân loại các chiến lược học tập
    - 2.1.2.1. Các chiến lược nhận thức

2.1.2.2. Các chiến lược siêu nhận thức

2.1.2.3. Các chiến lược sử dụng nguồn lực học tập

***Nội dung thực hành:***

1. So sánh những đặc điểm cơ bản của các chiến lược học tập
2. Phân tích khả năng ứng dụng các chiến lược học tập trong dạy học làm văn ở trường phổ thông
3. Xây dựng ví dụ minh họa cho việc vận dụng các chiến lược học tập thông qua một kế hoạch dạy học làm văn cụ thể.

**Chương 3:** Chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản

3.1. Khái niệm “năng lực”, các yếu tố cấu thành năng lực người học

3.2. Tiêu chí biểu hiện năng lực chung và năng lực đặc thù của học sinh phổ thông trong dạy học tạo lập văn bản

3.3. Ưu thế của dạy học tạo lập văn bản trong việc hình thành và phát triển năng lực cho học sinh phổ thông

3.4. Nguyên tắc phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản

3.5. Quy trình phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản

3.6. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản

***Nội dung thực hành:***

1. So sánh năng lực và kĩ năng của học sinh trong học tập
2. Thực hiện 1 số ví dụ minh họa các bước trong quy trình phát triển năng lực người học khi dạy học lí thuyết và dạy học thực hành làm văn ở phổ thông
3. Thiết kế dạy thực hành luyện tập hoặc dạy lí thuyết làm văn thể hiện việc sử dụng các nguyên tắc, quy trình, phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển năng lực người học. Cần lập luận các chiến thuật phát triển năng lực đã được vận dụng như thế nào.

**11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học sư phạm.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Đạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn cấp THPT*, Tài liệu tập huấn.

5. Robert.J.Mazano (2013), *Nghệ thuật và khoa học dạy học*, NXB Giáo dục Việt Nam

6. Phan Trọng Luận (1969), *Rèn luyện tư duy qua giảng dạy văn học*, NXB Giáo dục

7. Phan Trọng Luận (2011), *Văn chương bạn đọc sáng tạo*, NXB Đại học sư phạm

8. Dự án Việt Bỉ (2010), *Đạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực*, NXB Đại học sư phạm

9. Lê A – Nguyễn Quang Ninh (2011), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

10. Trường đại học sư phạm Hà Nội (2016), *Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Đạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

### **2.1.3. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM**

1. Tên học phần: Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam
2. Mã học phần: PPCT603
3. Tên tiếng Anh: Develop the curriculum of Philology at High school in Viet Nam
4. Khối lượng: 2 Tín chỉ (Lý thuyết: 25 giờ, Bài tập/ Thảo luận: 10 giờ )
5. Giảng viên phụ trách: PGS. TS. Lê Thị Phượng; PGS.TS Hoàng Thị Mai; PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống; TS. Phạm Thị Anh
6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt

#### **7. Mục tiêu của học phần**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học. Trên cơ sở phân tích nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử; quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay, NCS biết vận dụng vào việc phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

#### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Phân tích định nghĩa khái niệm chương trình theo các dấu hiệu khác nhau tương ứng với các cách tiếp cận khác nhau về phát triển chương trình;
- So sánh chương trình giáo dục và chương trình môn học
- Vận dụng kiến thức về chương trình để phân tích, nhận xét chương trình môn học hiện hành và cách xây dựng chương trình;
- Phân tích lộ trình phát triển nội dung của môn học Ngữ văn ở phổ thông.

#### **8. Nội dung tóm tắt:**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học. Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Quan niệm dạy học Ngữ văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay. Phát triển chương trình giáo dục và chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

Chương trình dạy học là một trong 6 thành tố then chốt tạo nên chất lượng hiệu quả giáo dục môn học trong nhà trường. Phát triển chương trình môn học có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình dạy học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Phát triển chương trình môn học vì vậy là tiêu chí để đánh giá năng lực dạy học của người giáo viên. Học phần này bao gồm các nội dung chính: Môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học; Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì; Quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay; Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

#### 9. Đánh giá kết quả

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

#### 10. Nội dung chi tiết học phần

##### **Chương 1: Môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học**

1.1. Đối tượng, phạm vi, cấu trúc và tên môn học

1.2. Chương trình giáo dục và chương trình môn Ngữ văn

1.3. Tổng quát về sự phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường phổ thông Việt Nam từ sau năm 1945

##### ***Nội dung thực hành:***

1. Phân tích định nghĩa khái niệm chương trình theo các dấu hiệu khác nhau tương ứng với các cách tiếp cận khác nhau về phát triển chương trình;

2. So sánh chương trình giáo dục và chương trình môn học

2. Phân tích, nhận xét chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông hiện nay;

3. Phân tích các yếu tố cấu thành chương trình môn học Ngữ văn.

##### **Chương 2: Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử**

2.1. Mấy nét về nội dung chương trình học và thi văn trước 1945

2.2. Nhà trường phổ thông Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945

2.3. Chương trình Ngữ văn từ 1945 đến 1954

2.4. Chương trình Việt văn ở miền Nam từ 1955 đến 1975

2.5. CT Ngữ văn ở miền Bắc từ 1955 đến 1975

2.6. CT Ngữ văn ở Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000

2.7. Chương trình Ngữ văn ở Việt Nam từ sau năm 2000

### ***Nội dung thực hành:***

1. Phân tích, nhận xét sự kế thừa và đổi mới của nội dung chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông qua các thời kì;
2. Phân tích các yếu tố cấu thành chương trình môn học Ngữ văn hiện nay ở phổ thông.

### **Chương 3: Quan niệm dạy học văn qua tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay**

- 3.1. Cơ sở xác định quan niệm dạy học Ngữ văn
- 3.2. Quan niệm dạy học văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay
  - 3.2.1. Quan niệm dạy học văn những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám và cải cách giáo dục lần thứ nhất.
  - 3.2.2. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa thuộc đợt cải cách giáo dục lần thứ hai.
  - 3.2.3. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa miền Nam từ 1954 đến 1975
  - 3.2.4. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt CCGD lần thứ ba và đổi mới GD.
  - 3.2.5. Quan niệm dạy học văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt CCGD lần thứ tư (sau năm 2000).

### ***Nội dung thực hành:***

1. So sánh quan niệm dạy học văn ở nhà trường phổ thông qua các thời kì cải cách giáo dục ở Việt Nam; Chú ý lập luận cơ sở của sự thay đổi đó.
2. Phân tích mối liên hệ giữa quan niệm dạy học văn với các thành tố của quá trình dạy học.
3. Phân tích sự thể hiện của quan niệm dạy học văn qua tên gọi môn học, tên tác phẩm văn học hoặc văn bản đọc hiểu.

### **Chương 4: Phát triển chương trình GD và chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới**

- 4.1. Bối cảnh đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế
- 4.2. Xu thế phát triển chương trình giáo dục phổ thông
- 4.3. Phát triển chương trình Ngữ văn trong bối cảnh mới

### ***Nội dung thực hành:***

1. Phân tích gia tốc phát triển ở đối tượng người học
2. Phân tích chương trình môn học theo hướng tiếp cận năng lực người học



3. Phân tích các năng lực chung và năng lực đặc thù của người học được hình thành và phát triển qua môn Ngữ văn

4. Phân tích chương trình môn học Ngữ văn theo hướng tích hợp.

### **11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Đỗ Ngọc Thống (2011), Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục

2. Vụ Giáo dục đại học (2013), Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo giáo viên Trung học phổ thông, NXB Văn hóa – Thông tin.

3. Trường đại học sư phạm Hà Nội (2016), Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm, NXB Giáo dục Việt Nam.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

4. Phan Trọng Luận (2014), Phương pháp luận giải mã văn bản văn học, NXB Đại học sư phạm

5. Phan Trọng Luận (2009), Phương pháp dạy học Văn, NXB Giáo dục Việt Nam

6. Lê A – Nguyễn Quang Ninh (2011), Phương pháp dạy học Tiếng Việt, NXB Giáo dục Việt Nam

7. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn cấp THPT theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Lưu hành nội bộ.

8. Lê Thị Phương (2015), Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương Thanh Hóa ở THCS, NXB Đại học sư phạm

### **2.1.4. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

Tên học phần: *Những quan điểm cơ bản của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.*

*Basic point of views Vietnamese teaching method in school*

Loại học phần: *Bắt buộc*

2. Mã học phần: PPCT604

Thuộc CTĐT tiến sĩ ngành: Giáo dục học

Chuyên ngành : Lí luận và Phương pháp dạy học Tiếng Việt

Vietnamese teaching method and theory

Mã số:

Thời lượng (tín chỉ): 02

### **3. Mục tiêu học phần**

#### *a. Tri thức*

Phân tích được cơ sở, nội dung và sự thể hiện của các quan điểm cơ bản trong dạy học Tiếng Việt.

#### *b. Kỹ năng*

- Vận dụng những tri thức thu nhận được để phân tích và đánh giá được chương trình, tài liệu dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.

- Phát hiện và giải quyết được vấn đề thỏa mãn những quan điểm cơ bản trong dạy học Tiếng Việt .

### **4. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đi sâu nghiên cứu cơ sở khoa học, sự thể hiện của các quan điểm cơ bản trong dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông. Vận dụng những quan điểm cơ bản đó để phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết các vấn đề cần nghiên cứu.

NCS sưu tầm các tài liệu có liên quan, hệ thống hóa các thành tựu nghiên cứu, trao đổi thảo luận với đồng nghiệp và các bộ hướng dẫn để chiếm lĩnh các kiến thức cơ bản và vận dụng chúng vào quá trình nghiên cứu của mình.

### **5. Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1: Quan điểm giao tiếp**

##### 1.1. Khái niệm về quan điểm giao tiếp

###### 1.1.1. Định nghĩa

###### 1.1.2. Dạy học các kỹ năng giao tiếp

###### 1,1,3, Dạy học trong giao tiếp

###### 1.1.4. Dạy học bằng giao tiếp

###### 1.1..5. Dạy học để giao tiếp

##### 1.2. Cơ sở khoa học của quan điểm giao tiếp

###### 1.2.1. Yêu cầu của xã hội

###### 1.2.2. Quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ

###### 1.2.3. Quy luật thủ đắc ngôn ngữ của mỗi cá nhân

###### 1.2.4. Chức năng xã hội của ngôn ngữ

##### 1.3. Sự thể hiện của quan điểm giao tiếp

###### 1.3.1. Xác định mục tiêu dạy học Tiếng Việt

###### 1.3.2. Lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dạy học

- 1.3.3. Dạy học từ ngữ theo quan điểm giao tiếp
- 1.3.4. Dạy học câu theo quan điểm giao tiếp
- 1.3.5. Dạy học văn bản theo quan điểm giao tiếp
- 1.3.6. Kiểm tra đánh giá theo quan điểm giao tiếp

## **Chương 2: *Quan điểm dạy học tích cực***

- 2.1. Khái niệm về quan điểm tích cực
  - 2.1.1. Định nghĩa
  - 2.1.2. Đặc trưng của dạy học tích cực
- 2.2. Cơ sở khoa học của quan điểm tích cực
  - 2.2.1. Yêu cầu của xã hội
  - 2.2.2. Cơ sở tâm lí
  - 2.2.3. Cơ sở giáo dục
  - 2.2.4. Cơ sở ngôn ngữ
- 2.3. Sự thể hiện của quan điểm tích cực
  - 2.3.1. Xác định mục tiêu dạy học
  - 2.3.2. Lựa chọn các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực

## **Chương 3: *Quan điểm dạy học tích hợp***

- 3.1. Khái niệm về quan điểm tích hợp
  - 3.1.1. Định nghĩa
  - 3.1.2. Đặc trưng của dạy học tích hợp
- 3.2. Cơ sở khoa học của quan điểm dạy học tích hợp
  - 3.2.1. Yêu cầu xã hội
  - 3.2.2. Đặc trưng của khoa học Ngữ văn
- 3.3. Sự thể hiện của quan điểm tích hợp
  - 3.3.1. Xây dựng chương trình tích hợp
  - 3.3.2. Tích hợp dạy học Tiếng Việt với dạy học Đọc hiểu
  - 3.3.3. Tích hợp dạy học Tiếng Việt với dạy học Làm văn
  - 3.3.4. Tích hợp dạy học Tiếng Việt với dạy học các môn học khác và với cuộc sống
  - 3.3.5. Kiểm tra đánh giá theo quan điểm tích hợp

## **6. Học liệu**

- Giáo trình chính (bắt buộc)

- (1) Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán; *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*; NXB GD 1996
- (2) Bộ Giáo dục & Đào tạo; *Dạy và học tích cực- một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*; NXB ĐHSP; 2010
- (3) Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán; *Ngôn ngữ học đại cương*, tập 2; NXB GD; 2001
- (4) Đỗ Hữu Châu; Đỗ Việt Hùng; *Dụng học*; NXB ĐHSP; 2002
- (5) Nguyễn Khắc Phi; *Tích hợp- một nét nổi bật trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn bậc THCS*; NXB GD; 2002
- (6) Bùi Minh Toán; *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*; NXB GD 1999
- Tài liệu tham khảo:
- (7) Lê A, Lê Minh Thu, Nguyễn Thị Thúy; *Dạy học Ngữ văn 6,7,8,9 theo hướng tích hợp*; NXB ĐHSP; 2007
- (8) Bộ Giáo dục & Đào tạo; *Chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn THCS và THPT*

### **2.1.5. LÝ THUYẾT ỨNG ĐÁP CỦA NGƯỜI ĐỌC VÀ VIỆC DẠY HỌC VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG**

**1. Tên học phần:** *Lý thuyết tiếp nhận và ứng đáp của người đọc với việc dạy học Văn trong nhà trường*

**2. Mã học phần:** PPUĐ 605

**3. Tên tiếng Anh:** *Theory of Readers' Response and teaching literature in schools.*

**4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Hoàng Thị Mai

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần trang bị cho NCS những tri thức cơ bản, có hệ thống về quan điểm, nội dung, ý nghĩa phương pháp luận của Thuyết ứng đáp của người đọc; từ đó, NCS có thể nghiên cứu vận dụng các luận điểm phù hợp của lý thuyết trên vào việc thiết kế triết lí, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của học sinh theo hướng phát triển năng lực sáng tạo của bạn đọc - học sinh.

### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Phân tích, đánh giá, hệ thống hóa được những luận điểm cơ bản về lập trường, nội dung, ý nghĩa phương pháp luận của Thuyết ứng đáp của người đọc.
- Vận dụng lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.
- Nâng cao kĩ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường.

### **8. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nghiên cứu khái quát về quan điểm, nội dung, ý nghĩa phương pháp luận của Thuyết ứng đáp của người đọc; nghiên cứu vận dụng các luận điểm phù hợp của lí thuyết trên vào việc thiết kế triết lí, mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của học sinh theo hướng phát triển năng lực sáng tạo của bạn đọc - học sinh.

### **9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

### **10. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

#### ***Chương 1: Khái quát chung về thuyết ứng đáp của người đọc***

- 1.1. Khái niệm ứng đáp của người đọc
- 1.2. Nền tảng lí luận
- 1.3. Đại diện tiêu biểu
- 1.4. Lịch sử và ảnh hưởng
- 1.5. Các câu hỏi nghiên cứu của lí thuyết ứng đáp của người đọc

#### ***Nội dung thực hành:***

- Điểm chung của Thuyết ứng đáp của người đọc với Mĩ học tiếp nhận và Hậu cấu trúc luận?

#### ***Chương 2: Lí thuyết ứng đáp của người đọc - những thành tựu và cực đoan***

- 2.1. Quan niệm về hành động đọc
- 2.2. Lí thuyết giao tiếp với tác phẩm văn học
- 2.3. Quan niệm về vị thế của văn bản văn chương
  - 2.3.1. Văn bản văn chương là “một cấu trúc tiềm thế”, “chưa hoàn tất”
  - 2.3.2. Văn bản văn chương có tính “lưỡng lự bất định”, “tính mở”
- 2.4. Quan niệm về vị thế của người đọc trong việc tạo nghĩa cho văn bản

2.4.1. Nghĩa của văn bản văn chương không chỉ ở văn bản mà là kết quả của sự giao tiếp giữa văn bản và người đọc;

2.4.2. Người đọc có vị thế đồng hàng với văn bản thay vì nó đứng một mình.

2.4.3. Nghĩa của văn bản văn chương “là một hiệu quả được trải nghiệm” ở người đọc.

2.4.4. Người đọc có địa vị tối thượng trong việc tạo nghĩa cho văn bản

*Nội dung thực hành:* Vị trí của Thuyết ứng đáp của người đọc trong bức tranh lí luận phê bình văn học phương Tây hiện đại?

### ***Chương 3: Vận dụng thuyết ứng đáp của người đọc vào việc đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường phổ thông***

3.1. Xác định triết lí, mục tiêu dạy học văn từ lập trường của thuyết ứng đáp

3.2. Xác định chuẩn đầu ra của việc dạy học văn từ lập trường của thuyết ứng đáp

3.3. Thiết kế chương trình, sách giáo khoa phần Đọc văn từ lập trường của thuyết ứng đáp

3.4. Tổ chức dạy học đọc – hiểu văn bản từ lập trường của thuyết ứng đáp

3.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả Đọc văn từ lập trường của thuyết ứng đáp

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng lí thuyết ứng đáp của người đọc vào việc thiết kế và thực hành tổ chức dạy học một giờ Đọc văn cho HS THCS/THPT ở trên lớp.

## **11. Tài liệu tham khảo**

1. Antoine Compagnon (2006), *Bản mệnh của lí thuyết văn chương và cảm nghĩ thông thường*, NXB ĐHSP Hà Nội.

2. Richard Beach (1993), *A teacher's introduction to reader-response theories*, National Council of Teachers of English, Urbana, Illinois.

3. Charles R. Cooper (1989), *Researching response to literature and the teaching of literature: Points of departure*, Ablex Publishing Corporation, New Jersey

4. Judith Langer (1994): *A response based approach to reading literature* (Report series

5. Hans Robert Jauss (2002): *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa văn học*, Tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 1/2002.
6. Nguyễn Thanh Hùng (2002), *Độc và tiếp nhận văn chương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Phương Lưu (1997), *Tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Robert E. Probst (2004): *Response and analysis: Teaching literature in secondary school*, Heinemann, Portsmouth, NH
9. Tzvetan Todorov (2011), *Văn chương lâm nguy*, (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học 2011
10. Umberto Eco (1984): *The Role of reader*, Indiana University Press Bloomington

### **2.1.6. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU DẠY HỌC VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM**

- 1. Tên học phần:** *Triết lý, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam*
- 2. Mã học phần:** PPTL 606
- 3. Tên tiếng Anh:** *Philosophy and goal of teaching literature at school in Vietnam*
- 4. Khối lượng:** 2TC (Lí thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)
- 5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Hoàng Thị Mai
- 6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt
- 7. Mục tiêu của học phần:**  
 Học phần giúp NCS có một cái nhìn hệ thống hóa, khái quát về triết lý, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử; so sánh điểm giống và khác nhau về triết lý, mục tiêu dạy học Văn của nhà trường Việt Nam với một số nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; đồng thời định hướng triết lý, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam hiện nay theo hướng tiến bộ, hội nhập và phát triển.
- Chuẩn đầu ra của học phần:**  
 Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Lí giải, đánh giá được nội dung, sự biến đổi của triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì; nhận ra điểm giống và khác nhau về triết lí, mục tiêu dạy học Văn của nhà trường Việt Nam với một số nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

- Vận dụng để nghiên cứu đề xuất và cụ thể hoá triết lí, mục tiêu dạy học Văn phù hợp với cấp bậc học, đối tượng người học cụ thể trong bối cảnh mới.

- Nâng cao kĩ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường.

### **8. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nghiên cứu khái quát lịch sử về triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì; so sánh với triết lí, mục tiêu dạy học Văn của một số nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; định hướng triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam hiện nay theo hướng tiên bộ, hội nhập và phát triển.

### **9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ giờ giảng

- Kiểm tra định kỳ: 30%

- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

### **10. Nội dung chi tiết học phần:**

#### ***Chương 1: Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam thời phong kiến và Pháp thuộc***

1.1. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam thời phong kiến

1.1.1. Khái niệm triết lí, mục tiêu dạy học Văn

1.1.2. Triết lí dạy học Văn thời phong kiến

1.1.3. Mục tiêu dạy học Văn thời phong kiến

1.2. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam thời Pháp thuộc

1.2.1. Triết lí dạy học Văn thời Pháp thuộc

1.2.2. Mục tiêu dạy học Văn thời Pháp thuộc

*Nội dung thực hành:*

- Những ưu điểm và nhược điểm trong triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam thời phong kiến và Pháp thuộc?

#### ***Chương 2: Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam từ 1945 đến nay***

2.1. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam từ 1945-1954

2.1.1. Triết lí dạy học Văn



- 2.1.2. Mục tiêu dạy học Văn
  - 2.2. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam từ 1954-1975
    - 2.2.1. Triết lí dạy học Văn
    - 2.2.2. Mục tiêu dạy học Văn
  - 2.3. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam từ 1975-2000
    - 2.3.1. Triết lí dạy học Văn
    - 2.3.2. Mục tiêu dạy học Văn
  - 2.4. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam từ năm 2000 đến nay
    - 2.4.1. Triết lí dạy học Văn
    - 2.4.2. Mục tiêu dạy học Văn
- Nội dung thực hành:*
- So sánh những điểm mạnh, điểm yếu trong triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam qua các thời kì?

***Chương 3: Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở một số nền giáo dục tiên tiến***

- 3.1. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Mỹ
    - 3.1.1. Triết lí dạy học Văn
    - 3.1.2. Mục tiêu dạy học Văn
  - 3.2. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Nhật Bản/Hàn Quốc
    - 2.2.1. Triết lí dạy học Văn
    - 2.2.2. Mục tiêu dạy học Văn
  - 2.3. Triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Trung Quốc
- Nội dung thực hành:*
- So sánh triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Việt Nam hiện nay với triết lí, mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Mỹ?

***Chương 4: Hướng đến một triết lí, mục tiêu dạy học Văn tiên tiến ở nhà trường phổ thông Việt Nam***

- 4.1. Bối cảnh xã hội và giáo dục thế giới
  - 4.2. Yêu cầu đổi mới giáo dục ở Việt Nam
  - 4.3. Triết lí dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam thế kỉ XXI
  - 4.4. Mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam thế kỉ XXI
- Nội dung thực hành:*
- Thử xác định triết lí dạy học Văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam hiện nay theo quan điểm của anh/chị?

- Thử xác định mục tiêu dạy học Văn ở nhà trường Trung học phổ thông/Trung học cơ sở hiện nay theo quan điểm của anh/chị?

### **11. Tài liệu tham khảo**

1. John Dewey (2008), *Dân chủ và Giáo dục*, Nxb Tri Thức
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục
3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2018*
4. Phan Trọng Luận (2005), *Phan Trọng Luận tuyển tập*, NXB Giáo dục
5. Phan Trọng Luận (2011), *Văn học nhà trường - những điểm nhìn*, NXB ĐHSP
6. Tzvetan Todorov (2011), *Văn chương lâm nguy*, (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học, 2011
7. Umberto Eco (2000), *Về một vài chức năng của văn học*, Tạp chí Văn học số 5/2003
8. *Curriculum guide (2002): English Language Arts*, Public Schools, Madison, Connecticut
9. California State Board of Education (2013), *California Common Core State Standards: English Language Arts & Literacy in History/Social Studies, Science, and Technical Subjects*.
10. Các bộ sách giáo khoa, sách giáo viên Ngữ văn THCS và THPT.

### **2.1.7. QUAN ĐIỂM HỆ THỐNG VÀ QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT**

1. Tên học phần: **Quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt**
2. Mã học phần: PPBT607
3. Tên tiếng Anh:
4. Khối lượng: 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)
5. Giáo viên phụ trách: TS .Phạm Thị Anh
6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Phương pháp dạy học Bộ môn Văn & Tiếng Việt.
7. Mục tiêu của chuyên đề:  
Học phần này nhằm đem lại cho NCS:
  - Các tri thức cơ bản về quan điểm hệ thống trong dạy học tiếng Việt.

- Các tri thức cơ bản về quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt.
- Sự thể hiện của quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt.
- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về việc dạy học tiếng Việt theo quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp.

**Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu được quan điểm hệ thống, quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt; vai trò và sự thể hiện của các quan điểm này trong thực tiễn dạy học tiếng Việt.
- Vận dụng quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt, từ khâu xây dựng chương trình đến việc lựa chọn các phương pháp, các hình thức dạy học.
- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu về việc dạy học tiếng Việt theo quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp.

8. Nội dung tóm tắt:

Môn học nghiên cứu chuyên sâu về quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt. Các quan điểm này chi phối trực tiếp đến việc xây dựng mục tiêu, nội dung, các phương pháp dạy học tiếng Việt. Trên cơ sở đó, môn học cũng mở ra hướng nghiên cứu về việc dạy học tiếng Việt theo quan điểm kết hợp giữa quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

**Chương 1:**

**Những vấn đề chung về quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt**

1.1. Những vấn đề chung về tính hệ thống của tiếng Việt

1.1.1. Khái niệm hệ thống

1.1.2. Các bộ phận hợp thành hệ thống tiếng Việt

1.2. Tính hệ thống của tiếng Việt

1.2.1. Các phương diện thể hiện tính hệ thống của tiếng Việt

1.2.2. Các quan hệ trong hệ thống tiếng Việt

- Quan hệ đồng nhất và đối lập

- Quan hệ ngang và quan hệ dọc
- 1.3. Những vấn đề chung về quan điểm giao tiếp
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Các nhân tố giao tiếp
  - 2.1.3. Chức năng của giao tiếp
- 2.4. Ý nghĩa của quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt

*Nội dung thực hành:*

- Tìm hiểu cách xây dựng CT, SGK phần tiếng Việt từ CCGD đến giai đoạn hiện hành.
- Phân tích ưu điểm, nhược điểm của CT, SGK phần tiếng Việt từ CCGD đến giai đoạn hiện hành.

## **Chương 2:**

### **Vận dụng quan điểm hệ thống trong dạy học tiếng Việt**

- 2.1. Cơ sở vận dụng quan điểm hệ thống trong dạy học tiếng Việt
  - 2.1.1. Xuất phát từ bản chất của môn học
  - 2.1.2. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn
- 2.2. Vận dụng quan điểm hệ thống trong dạy học tiếng Việt
  - 2.2.1. Quan điểm hệ thống và việc xác định mục tiêu dạy học tiếng Việt
  - 2.2.2. Quan điểm hệ thống và việc xây dựng nội dung dạy học tiếng Việt
  - 2.2.3. Quan điểm hệ thống và việc lựa chọn các phương pháp, thủ pháp dạy học tiếng Việt
  - 2.2.4. Quan điểm hệ thống và việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học tiếng Việt

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng quan điểm hệ thống trong dạy học một số tiết học tiếng Việt theo chủ đề.

## **Chương 3:**

### **Vận dụng quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt**

- 2.1. Cơ sở vận dụng quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt
  - 2.1.1. Xuất phát từ bản chất của môn học
  - 2.1.2. Xuất phát từ thực tiễn dạy học
- 2.2. Vận dụng quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt
  - 2.2.1. Quan điểm giao tiếp và việc xác định mục tiêu dạy học tiếng Việt

- 2.2.2. Quan điểm giao tiếp và việc xây dựng nội dung dạy học tiếng Việt
- 2.2.3. Quan điểm giao tiếp và việc lựa chọn các phương pháp, thủ pháp dạy học tiếng Việt
- 2.2.4. Quan điểm giao tiếp và việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học tiếng Việt

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng quan điểm giao tiếp trong dạy học một số tiết học tiếng Việt theo chủ đề.

### **11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2005), *Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV THPT về đổi mới phương pháp dạy học môn ngữ văn* (Dự án phát triển giáo dục THPT - Trường ĐHSP Hà Nội - Viện nghiên cứu sư phạm).

3. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *CT giáo dục phổ thông cấp THPT*, NXB Giáo dục.

4. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện CT SGK lớp 10, lớp 11, lớp 12 môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.

5. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THCS*, Vụ giáo dục trung học.

6. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THPT*, Vụ giáo dục trung học.

7. Bùi Minh Toán (2010), *Tiếng Việt ở Trung học phổ thông*, Nhà xb Đại học Sư phạm, H.

## **2.1.8. MỘT SỐ LÝ THUYẾT PHÊ BÌNH VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI VỚI VIỆC ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VĂN Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

**1. Tên học phần:** Một số lý thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại với việc đổi mới phương pháp dạy học Văn ở nhà trường phổ thông

**2. Mã học phần:** PPPB 608

**3. Tên tiếng Anh:** *Some of modern Western literary theories and innovating methodology of teaching literature at schools*

**4. Khối lượng:** 2TC (Lí thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

**5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Hoàng Thị Mai

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt

**7. Mục tiêu của chuyên đề:**

Chuyên đề trang bị cho NCS những kiến thức hệ thống, chuyên sâu về quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lí thuyết văn học phương Tây hiện đại như: Phân tâm học, Cấu trúc luận, Kí hiệu học, Hậu cấu trúc luận; định hướng cho NCS xác định quan điểm, nội dung, cách thức vận dụng phù hợp các luận điểm của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

**Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

- Phân tích, đánh giá được quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lí thuyết văn học phương Tây đại diện cho 3 xu hướng chính gồm: Xu hướng phê bình hướng về tác giả (Phân tâm học), xu hướng phê bình hướng về văn bản (Cấu trúc luận, Kí hiệu học), xu hướng phê bình hướng về người đọc (Hậu cấu trúc luận)....

- Vận dụng các luận điểm khoa học, phù hợp của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và bổ sung, hoàn thiện hóa lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

- Kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường tiếp tục được hoàn thiện.

**8. Nội dung tóm tắt:**

Chuyên đề nghiên cứu khái quát về quan điểm, nội dung cơ bản, ý nghĩa phương pháp luận của một số lí thuyết văn học phương Tây hiện đại như: Phân tâm học, Cấu trúc luận, Kí hiệu học, Hậu cấu trúc luận; từ đó đề xuất quan điểm, nội dung, cách thức vận dụng các luận điểm phù hợp của các lí thuyết trên vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

**9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

**10. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

## ***Chương 1: Phân tâm học với việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học***

### 1.1. Khái quát chung về Phân tâm học

#### 1.1.1. Nền tảng lí luận

#### 1.1.2. Đại diện tiêu biểu

#### 1.1.3. Lịch sử và ảnh hưởng

#### 1.1.4. Tư tưởng cơ bản của Phân tâm học

##### 1.1.4.1. Cấu trúc nhân tính của con người

##### 1.1.4.2. Cơ chế tự vệ

### 1.2. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Phân tâm học

#### 1.2.1. Quan niệm về tác giả và hoạt động sáng tạo

#### 1.2.2. Quan niệm về tác phẩm và hoạt động đọc

#### 1.2.3. Những luận điểm cực đoan của Phân tâm học

### 1.3. Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học

#### 1.3.1. Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn học

#### 1.3.2. Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học văn

##### *Nội dung thực hành:*

- Vận dụng lí thuyết Phân tâm học vào việc nghiên cứu và giảng dạy một tác phẩm văn học cụ thể.

## ***Chương 2: Cấu trúc luận và Kí hiệu học với việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học***

### 1.1. Khái quát chung về Cấu trúc luận và Kí hiệu học

#### 1.1.1. Nền tảng lí luận

#### 1.1.2. Đại diện tiêu biểu

#### 1.1.3. Lịch sử và ảnh hưởng

#### 1.1.4. Tư tưởng cơ bản của Cấu trúc luận và Kí hiệu học

### 1.2. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Cấu trúc luận

#### 1.2.1. Quan niệm về tác giả và hoạt động sáng tạo

#### 1.2.2. Quan niệm về tác phẩm và hoạt động đọc

#### 1.3. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Kí hiệu học

##### 1.3.1. Quan niệm về tác giả và hoạt động sáng tạo

1.3.2. Quan niệm về tác phẩm và hoạt động đọc

1.4. Những luận điểm cực đoan của Cấu trúc luận và Kí hiệu học

1.5. Vận dụng lí thuyết của Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học

1.3.1. Vận dụng lí thuyết của Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn học

1.3.2. Vận dụng lí thuyết của Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học văn

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng Cấu trúc luận và Kí hiệu học vào việc nghiên cứu và giảng dạy một tác phẩm văn học cụ thể.

***Chương 3: Hậu cấu trúc luận với việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học***

1.1. Khái quát chung về Hậu cấu trúc luận

1.1.1. Nền tảng lí luận

1.1.2. Đại diện tiêu biểu

1.1.3. Lịch sử và ảnh hưởng

1.1.4. Tư tưởng cơ bản của Hậu cấu trúc luận

1.2. Lí luận về phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của Hậu cấu trúc luận

1.2.1. Quan niệm về vai trò, vị thế của tác giả trong việc tạo nghĩa cho văn bản

1.2.2. Quan niệm về vai trò, vị thế của văn bản

1.2.3. Quan niệm về vai trò, vị thế của người đọc trong việc tạo nghĩa cho văn bản

1.3. Những luận điểm cực đoan của Hậu cấu trúc luận

1.4. Vận dụng lí thuyết của Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học

1.4.1. Vận dụng lí thuyết của Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu, phê bình tác phẩm văn học

1.4.2. Vận dụng lí thuyết của Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học văn

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng Hậu cấu trúc luận vào việc nghiên cứu và giảng dạy một tác phẩm văn học cụ thể.



## 11. Tài liệu tham khảo chính

1. Antoine Compagnon (2006), *Bản mệnh của lí thuyết văn chương và cảm nghĩ thông thường*, NXB ĐHSP Hà Nội.
2. Chevalier Jean, Gheerbrant Alain (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng & Trường viết văn Nguyễn Du.
3. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB KHXH.
4. Trịnh Bá Đình (2010), *Chủ nghĩa cấu trúc trong văn học*, Nxb. Hội Nhà văn.
5. Jean Bellemin-Noël (1978), *Phân tâm học và văn học*, Psychanalyse et littérature PUF, Paris, 1978, Đỗ Lai Thúy dịch. Nguồn: phebinhvanhoc.com.vn
6. Iu. M. Lotman (2015), *Kí hiệu học văn hóa*, Lã Nguyên, Đỗ Hải Phong, Trần Đình Sử dịch, Nxb ĐHQG Hà Nội.
7. Roland Barther (1998), *Độ không của lối viết* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
8. Phương Lưu (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
9. Sigmund Freud (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nguyễn Xuân Hiến dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Terence Hawkes, *Khoa học về các ký hiệu*, Đinh Hồng Hải dịch. Nguồn: phebinhvanhoc.com.vn

### 2.1.9. PHÁT TRIỂN CÁC NĂNG LỰC TRÍ TUỆ XÚC CẢM CHO HỌC SINH QUA DẠY HỌC VĂN

1. Tên học phần: *Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm cho HS qua dạy học Văn*
2. Mã học phần: PPXC 609
3. Tên tiếng Anh: *Developing emotional intelligence for students through teaching literature*
4. Khối lượng: 2TC (Lí thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)
5. Giáo viên phụ trách: PGS.TS Hoàng Thị Mai
6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành LL&PPDH Văn-Tiếng Việt
7. Mục tiêu của chuyên đề:

Chuyên đề giúp NCS có những tri thức hệ thống và chuyên sâu về cơ cấu của trí tuệ xúc cảm, nội dung, bản chất của các năng lực trí tuệ xúc cảm; từ đó, gợi mở cho NCS vai trò, khả năng của văn học trong việc phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS, biện pháp, cách thức phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động đọc văn.

### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học chuyên đề, NCS có khả năng:

- Phân tích, chứng minh được cơ cấu của trí tuệ xúc cảm; nội dung, bản chất các năng lực trí tuệ xúc cảm; vai trò và khả năng phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.

- Vận dụng lí thuyết của khoa học trí tuệ xúc cảm vào việc thực hành tiếp nhận văn bản văn học và phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học Văn ở nhà trường các cấp.

- Kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lí thuyết phương pháp dạy học Văn trong nhà trường tiếp tục được nâng cao.

### **8. Nội dung tóm tắt:**

Chuyên đề nghiên cứu khái quát về cơ cấu của trí tuệ xúc cảm, nội dung, bản chất của các năng lực trí tuệ xúc cảm; nghiên cứu vai trò, khả năng, biện pháp, cách thức phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua hoạt động dạy văn, học văn.

### **9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

### **10. Nội dung chi tiết chuyên đề:**

#### ***Chương 1: Thuyết đa trí thông minh và thông minh cảm xúc***

- 1.1. Bảy loại hình trí thông minh
- 1.2. Chỉ số IQ và chỉ số EQ

#### ***Nội dung thực hành:***

- Quan điểm của anh/chị về ý kiến cho rằng, trí tuệ xúc cảm chiếm từ 80-90% trong việc làm nên sự thành công và nổi trội của một con người?

#### ***Chương 2: Cơ cấu của trí tuệ xúc cảm***

- 2.1. Khái niệm trí tuệ xúc cảm
- 2.2. Cơ cấu của trí tuệ xúc cảm
  - 2.1.1. Năng lực tự nhận thức
  - 2.1.2. Năng lực tự điều chỉnh

2.1.3. Mục tiêu, động cơ thúc đẩy

2.1.4. Năng lực thấu cảm

*Nội dung thực hành:*

- Tại sao có những người kém thông minh lại thành công hơn những người thông minh?

### ***Chương 3: Khả năng phát triển trí tuệ xúc cảm cho HS qua dạy học văn***

3.1. Vai trò của trí tuệ xúc cảm

3.2. Thực trạng trí tuệ xúc cảm của HS hiện nay

3.3. Khả năng phát triển năng lực tự nhận thức cho HS qua dạy học Văn

3.4. Khả năng phát triển năng lực tự điều chỉnh cảm xúc cho HS qua dạy học Văn

3.5. Khả năng phát triển động cơ thúc đẩy cho HS qua dạy học Văn

3.6. Khả năng phát triển năng lực thấu cảm cho HS qua dạy học Văn

3.7. Khả năng phát triển các kĩ năng xã hội cho HS qua dạy học Văn

### ***Chương 4: Đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường phổ thông - nhìn từ góc độ trí tuệ xúc cảm***

4.1. Xác định triết lí, mục tiêu dạy học văn từ góc độ trí tuệ xúc cảm

4.2. Xác định chuẩn đầu ra của việc dạy học văn từ góc độ trí tuệ xúc cảm

4.3. Thiết kế chương trình, sách giáo khoa phần Đọc văn từ lập trường của trí tuệ xúc cảm

4.4. Tổ chức dạy học đọc – hiểu văn bản từ lập trường của góc độ trí tuệ xúc cảm

4.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả Đọc văn từ lập trường của trí tuệ xúc cảm

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng lí thuyết của khoa học trí tuệ xúc cảm vào việc thiết kế và thực hành tổ chức dạy học một giờ Đọc văn cho HS THCS/THPT ở trên lớp.

### **11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Daniel Goleman (2007): *Trí tuệ xúc cảm*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội

2. Daniel Goleman (2007): *Trí tuệ xúc cảm ứng dụng trong công việc*, NXB Tri thức Hà Nội

3. Daniel Goleman (2008): *Trí tuệ xã hội*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội

4. Diane Tillman (2010), *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP HCM

5. Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư Phạm
6. Hoàng Thị Mai (2010), *Dạy học Văn ở nhà trường phổ thông – nhìn từ góc độ trí tuệ xúc cảm*, Tạp chí Giáo dục tháng 5/2010
7. Travis Bradberry and Jean Greaves (2012), *Thông minh cảm xúc 2.0*, NXB Phụ nữ.

## **2.1.10 VĂN BẢN VÀ DẠY HỌC TẠO LẬP VĂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

- 1. Tên chuyên đề:** Văn bản và dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông
- 2. Mã chuyên đề:** PPVB 610
- 3. Tên tiếng Anh:** The text and teaching composing text according to develop competences for students at High school
- 4. Khối lượng:** 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: giờ)
- 5. Giáo viên phụ trách:** PGS.TS Lê Thị Phượng; GS.TS. Lê A; TS. Phạm Thị Anh; PGS.TS. Hoàng Thị Mai
- 6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt
- 7. Mục tiêu của chuyên đề:**

Chuyên đề cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về văn bản, đặc trưng văn bản, phương thức biểu đạt và kiểu văn bản. Trên cơ sở phân tích quan niệm dạy học tạo lập văn bản trong chương trình, sách giáo khoa phổ thông qua các lần cải cách giáo dục, người học có khả năng phát triển lí thuyết về phương pháp dạy học tạo lập văn bản ở cả dạng nói và dạng viết theo định hướng phát triển năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội.

### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

- Hệ thống hóa kiến thức về văn bản, các quan niệm phân chia văn bản theo hướng tiếp cận chuyên ngành và liên ngành; vị trí, vai trò, đặc trưng của văn bản;
- Phân tích sự kế thừa và phát triển mục tiêu, nội dung, định hướng dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông qua các thời kì lịch sử.
- Xây dựng được các tiêu chí về một văn bản đúng và hay ở cả dạng nói và dạng viết.

- Vận dụng lí thuyết về dạy học tạo lập văn bản vào việc rèn luyện cho học sinh một số kĩ năng cần thiết để viết được một văn bản/bài văn đúng và hay.

### **8. Nội dung tóm tắt**

Chuyên đề nghiên cứu kiến thức chuyên sâu về văn bản, đặc trưng văn bản, phương thức biểu đạt và các kiểu văn bản thông dụng. Quan niệm dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông qua các thời kì lịch sử dựa trên khảo sát chương trình, sách giáo khoa. Các kĩ năng cần thiết để tạo lập một văn bản ở dạng nói và dạng viết đúng và hay.

### 9. Đánh giá kết quả

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

### 10. Nội dung chi tiết chuyên đề

#### **Chương 1: Khái quát chung về văn bản**

- 1.1. Các định nghĩa văn bản và tạo lập văn bản
- 1.2. Khái niệm liên văn bản
- 1.3. Văn bản và các phương thức biểu đạt
- 1.5. Đặc trưng văn bản

#### ***Nội dung thực hành:***

1. Phân tích dấu hiệu của văn bản và liên văn bản trong tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản
2. Phân tích dấu hiệu nhận biết các phương thức biểu đạt trong văn bản và tác dụng của chúng trong tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản
3. Phân tích đặc trưng của văn bản, chú ý lập luận việc nắm vững đặc trưng văn bản giúp ích gì cho việc tạo lập văn bản và tiếp nhận văn bản.

#### **Chương 2: Dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kì lịch sử**

- 3.1. Cơ sở xác định quan niệm dạy học tạo lập văn bản
- 3.2. Quan niệm dạy học làm văn từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay
  - 3.2.1. Quan niệm dạy học làm văn những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám và cải cách giáo dục lần thứ nhất.
  - 3.2.2. Quan niệm dạy học làm văn qua chương trình và sách giáo khoa thuộc đợt cải cách giáo dục lần thứ hai.
  - 3.2.3. Quan niệm dạy học làm văn qua chương trình và sách giáo khoa miền Nam từ 1954 đến 1975

3.2.4. Quan niệm dạy học làm văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt CCGD lần thứ ba và đổi mới GD.

3.2.5. Quan niệm dạy học làm văn qua chương trình và sách giáo khoa đợt CCGD lần thứ tư (sau năm 2000).

***Nội dung thực hành:***

1. Phân tích những điểm kế thừa và phát triển của dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông qua các thời kì cải cách giáo dục ở Việt Nam

2. Nhận xét ưu điểm và hạn chế của môn học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông hiện nay. Chú ý lập luận nguyên nhân dẫn đến tình trạng học sinh không thích học môn này mặc dù ai cũng biết có khả năng tạo lập văn bản (nói và viết văn bản tốt) là phẩm chất cần có của người công dân trình độ cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

**Chương 3: Các kĩ năng cần có để nói và viết được một văn bản đúng và hay**

3.1. Kĩ năng viết văn bản đúng và hay

3.1.1. Kĩ năng viết văn bản đúng

- Viết đúng yêu cầu của đề (đề tài, chủ đề, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt)

- Viết đúng kiến thức

- Hình thức trình bày đúng quy cách

3.1.2. Kĩ năng viết văn bản hay

- Vận dụng kiến thức linh hoạt, phong phú

- Tổ chức, sắp xếp các ý trong bài văn hợp lí, logic

- Viết mở bài, kết bài hay

- Suy nghĩ sáng tạo, mới mẻ

- Cảm xúc chân thực

- Diễn đạt linh hoạt, độc đáo

- Sử dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt và các thao tác lập luận

3.2. Kĩ năng sử dụng văn nói đúng và hay

3.2.1. Kĩ năng sử dụng văn nói đúng

- Nói đúng chủ đề, đề tài

- Nói đúng kiến thức

- Sử dụng đúng phong cách văn nói

3.2.2. Kĩ năng sử dụng văn nói hay

- Dẫn dắt thái độ, quan điểm rõ ràng

- Lập luận thuyết phục
- Suy nghĩ sáng tạo, mới mẻ
- Giọng nói phù hợp
- Diễn đạt gãy gọn, rõ ràng, khúc chiết
- Sử dụng tốt các phương châm hội thoại trong hoạt động giao tiếp  
(Phương châm về chất, phương châm về lượng, phương châm lịch sự)

***Nội dung thực hành:***

1. Vận dụng kiến thức về tạo lập văn bản và kiến thức về phương pháp dạy học tạo lập văn bản vào tổ chức rèn luyện kỹ năng viết hoặc nói bài văn hay về 5 kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh.

2. Xây dựng tiêu chí đánh giá một bài văn đúng và bài văn hay theo quan điểm của anh/chị.

3. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến tình trạng học sinh ngày nay thường viết văn theo điệu sáo, ít tính chân thực, sáng tạo...v.v.

**11. Tài liệu tham khảo**

1. Đỗ Ngọc Thống chủ biên (2007), Làm văn, NXB Đại học sư phạm
2. Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên (1994), Muốn viết được bài văn hay, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Trường đại học sư phạm Hà Nội (2016), Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
5. Phan Trọng Luận (2014), Phương pháp luận giải mã văn bản văn học, NXB Đại học sư phạm
6. Phan Trọng Luận (2009), Phương pháp dạy học Văn, NXB Giáo dục Việt Nam
7. Lê A – Nguyễn Quang Ninh (2011), Phương pháp dạy học Tiếng Việt, NXB Giáo dục Việt Nam
8. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn cấp THPT theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Lưu hành nội bộ.
9. Lê Thị Phượng (2015), Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương
10. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học sư phạm.

11. Phan Trọng Luận (1968), Rèn luyện tư duy qua giảng dạy văn học, NXB Giáo dục

12. Phan Trọng Luận (2011), Văn chương bạn đọc sáng tạo, NXB Đại học sư phạm

13. Dự án Việt Bỉ (2010), Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, NXB Đại học sư phạm

### 2.1.11. VẬN DỤNG LÝ THUYẾT NGÔN NGỮ HỌC HIỆN ĐẠI VÀO DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở PHỔ THÔNG

1. Tên học phần: **Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt ở phổ thông.**

2. Mã học phần: PPBT6011

3. Tên tiếng Anh:

4. Khối lượng: 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

5. Giáo viên phụ trách: TS. Phạm Thị Anh

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Phương pháp dạy học Bộ môn Văn & tiếng Việt.

7. Mục tiêu của chuyên đề:

Học phần này nhằm đem lại cho NCS:

- Các tri thức cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại, trong đó tập trung là: ngôn ngữ học miêu tả, ngôn ngữ học đối chiếu, ngữ nghĩa học.

- Vận dụng những nội dung cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại trong dạy học tiếng Việt, cụ thể là xây dựng chương trình, lựa chọn các biện pháp, cách thức tiếp cận phù hợp.

- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về việc dạy học tiếng Việt theo hướng thực hành.

#### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Nhận diện được các tri thức lý thuyết liên quan đến nội dung về ngôn ngữ học hiện đại, cụ thể là ngôn ngữ học miêu tả, ngôn ngữ học đối chiếu, ngữ nghĩa học

- Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào thực tiễn giảng dạy.

- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại trong dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.



## 8. Nội dung tóm tắt:

Môn học nghiên cứu chuyên sâu một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại từ cuối thế kỉ XX cho đến nay có ảnh hưởng, tác động đến việc dạy học tiếng Việt; xu hướng phát triển của ngôn ngữ học hiện đại cũng như Việt ngữ học. Trên cơ sở đó, môn học nghiên cứu cách xây dựng nội dung chương trình tiếng Việt được dạy học ở phổ thông theo hướng vận dụng các cơ sở lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại cũng như cách lựa chọn, xây dựng và sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học phù hợp. Trên cơ sở đó, môn học mở ra hướng nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt theo hướng ứng dụng liên ngành.

## 9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

## 10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

### Chương 1:

#### **Lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại với việc dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông**

##### 1.1. Xu hướng phát triển của ngôn ngữ học hiện đại

###### 1.1.1. Chuyển từ “tĩnh” sang “động”

###### 1.1.2. Kết hợp phương pháp quy nạp và suy diễn

##### 1.2. Một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại có ảnh hưởng đến việc dạy học tiếng Việt hiện nay

###### 1.2.1. Ngôn ngữ học đối chiếu

###### 1.2.2. Ngôn ngữ học ứng dụng

###### 1.1.3. Ngữ nghĩa học

##### *Nội dung thực hành:*

- Tìm hiểu nội dung của một số lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại

### Chương 2:

#### **Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu trong dạy học tiếng Việt**

##### 2.1. Xác định mục tiêu dạy học

##### 2.2. Từ khung chương trình, xây dựng các nội dung dạy học

##### 2.3. Lựa chọn, sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học

##### *Nội dung thực hành:*

- Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu trong dạy học một đơn vị kiến thức tiếng Việt cụ thể ở chương trình, sách giáo khoa hiện nay.

### **Chương 3:**

#### **Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng trong dạy học tiếng Việt**

- 2.1. Xác định mục tiêu dạy học
- 2.2. Từ khung chương trình, xây dựng các nội dung dạy học
- 2.3. Lựa chọn, sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng trong dạy học một đơn vị kiến thức tiếng Việt cụ thể trong chương trình, sách giáo khoa hiện nay.

### **Chương 4:**

#### **Vận dụng lý thuyết ngữ nghĩa học trong dạy học tiếng Việt**

- 2.1. Xác định mục tiêu dạy học
- 2.2. Từ khung chương trình, xây dựng các nội dung dạy học
- 2.3. Lựa chọn, sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng lý thuyết ngữ nghĩa học trong dạy học một đơn vị kiến thức tiếng Việt cụ thể trong chương trình, sách giáo khoa hiện nay.

### **11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2005), *Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV THPT về đổi mới phương pháp dạy học môn ngữ văn* (Dự án phát triển giáo dục THPT - Trường ĐHSPT Hà Nội - Viện nghiên cứu sư phạm).
3. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *CT giáo dục phổ thông cấp THPT*, NXB Giáo dục.
4. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện CT SGK lớp 10, lớp 11, lớp 12 môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.
5. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THCS*, Vụ giáo dục trung học.
6. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THPT*, Vụ giáo dục trung học.

7. Bùi Minh Toán (2010), Tiếng Việt ở Trung học phổ thông, Nhà xb Đại học Sư phạm, H.

## 2.1.12. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

1. Tên học phần: Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt

2. Mã học phần: PPBT6012

3. Tên tiếng Anh:

4. Khối lượng: 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

5. Giáo viên phụ trách: TS. Phạm Thị Anh

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Phương pháp dạy học Bộ môn Văn & tiếng Việt.

7. Mục tiêu của chuyên đề:

Học phần này nhằm đem lại cho NCS:

- Những tri thức lý thuyết về năng lực ngôn ngữ, năng lực sử dụng ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.

- Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt.

- Các hình thức, biện pháp, phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt.

- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về việc dạy học tiếng Việt theo hướng liên ngành, liên môn.

### **Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu được năng lực ngôn ngữ, năng lực sử dụng ngôn ngữ nói chung và năng lực sử dụng tiếng Việt nói riêng; các cơ sở khoa học của việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt.

- Vận dụng tri thức về việc phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ để lựa chọn, xây dựng các biện pháp, cách thức phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt.

- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong nhà trường.

8. Nội dung tóm tắt:

Môn học nghiên cứu chuyên sâu về năng lực ngôn ngữ, sự phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt ở các phương diện từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đến phong cách. Những phương diện ngôn ngữ này hướng đến các mục tiêu cần rèn luyện cho học sinh trong nhà trường: nghe, nói, đọc, viết. Để hình thành và phát triển được các năng lực ngôn ngữ, cần chú ý tới việc lựa chọn và sử dụng các biện pháp, cách thức dạy học tiếng Việt phù hợp.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

Chương 1:

**Những vấn đề chung về sự phát triển năng lực ngôn ngữ  
cho học sinh trong dạy học tiếng Việt**

1.1. Quan niệm về năng lực, năng lực ngôn ngữ

1.1.1. Năng lực

1.1.2. Các năng lực cần phát triển cho học sinh phổ thông trong dạy học tiếng Việt

1.1.3. Năng lực ngôn ngữ

1.1.4. Mối quan hệ giữa năng lực ngôn ngữ với các năng lực khác trong dạy học tiếng Việt

1.2. Các phương diện của năng lực ngôn ngữ cần hình thành cho HS trong dạy học tiếng Việt

1.2.1. Năng lực về ngữ âm

1.2.2. Năng lực về từ vựng

1.2.3. Năng lực về ngữ pháp

1.2.4. Năng lực về phong cách

*Nội dung thực hành:*

- Tìm hiểu mối quan hệ giữa năng lực ngôn ngữ với sự phát triển tư duy cho học sinh trong dạy học tiếng Việt.

Chương 2:

**Tổ chức cho học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ  
trong dạy học tiếng Việt**

2.1. Xây dựng hệ thống ngữ liệu tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh

- 2.1.1. Quan niệm về ngữ liệu, vai trò của ngữ liệu
- 2.1.2. Những nguyên tắc xây dựng ngữ liệu
- 2.1.3. Cách khai thác ngữ liệu
- 2.2. Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh
  - 2.2.1. Câu hỏi, bài tập kiểm tra vấn đáp
  - 2.2.2. Câu hỏi, bài tập kiểm tra viết
- 2.3. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh
  - 2.3.1. Các phương pháp dạy học tích cực
  - 2.3.2. Các kỹ thuật dạy học tích cực

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt

### **Chương 3:**

#### **Kiểm tra, đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh trong dạy học tiếng Việt**

- 3.1. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chung
- 3.2. Kiểm tra, đánh giá năng lực ngôn ngữ của học sinh trong giờ dạy tiếng Việt
  - 3.2.1. Kỹ năng đọc hiểu
  - 3.2.2. Kỹ năng viết

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá kỹ năng đọc và viết của học sinh ở một số chủ đề.

### **11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2005), *Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV THPT về đổi mới phương pháp dạy học môn ngữ văn* (Dự án phát triển giáo dục THPT - Trường ĐHSP Hà Nội - Viện nghiên cứu sư phạm).
3. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *CT giáo dục phổ thông cấp THPT*, NXB Giáo dục.
4. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện CT SGK lớp 10, lớp 11, lớp 12 môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.

5. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THCS*, Vụ giáo dục trung học.

6. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THPT*, Vụ giáo dục trung học.

7. Bùi Minh Toán (2010), *Tiếng Việt ở Trung học phổ thông*, Nhà xb Đại học Sư phạm, H.

### **2.1.13. ĐA TRÍ TUỆ TRONG LỚP HỌC VÀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN TƯ DUY SÁNG TẠO QUA MÔN LÀM VĂN**

**1. Tên chuyên đề:** Đa trí tuệ trong lớp học và dạy học phát triển tư duy sáng tạo qua môn làm văn

**2. Mã chuyên đề:** PPPT 6013

**3. Tên tiếng Anh:** Multiple intelligences in the classroom and teaching to development thinking through composing text

**4. Khối lượng:** 2 Tín chỉ ( Lý thuyết: 25 giờ, Bài tập/ Thảo luận: 10 giờ )

**5. Giảng viên phụ trách:** PGS.TS. Lê Thị Phượng; GS.TS. Lê A; TS. Phạm Thị Anh

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh ( NCS) ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt

**7. Mục tiêu của chuyên đề:**

Học phần trang bị cho người học nền tảng của thuyết đa trí tuệ, thuyết đa trí tuệ và sự phát triển của bản thân, thuyết đa trí tuệ và các dạng trí tuệ của học sinh, thuyết đa trí tuệ và các kỹ năng nhận thức, thuyết đa trí tuệ và các chiến lược dạy học. Trên cơ sở đó người học vận dụng thuyết đa trí tuệ vào các chiến lược dạy học chương trình làm văn phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh.

#### **Chuẩn đầu ra của chuyên đề**

Học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

- Phân tích thuyết đa trí tuệ và sự phát triển của bản thân, thuyết đa trí tuệ và các dạng trí tuệ của học sinh, thuyết đa trí tuệ và các kỹ năng nhận thức; thuyết đa trí tuệ và các chiến lược dạy học.

- Thực hiện các chiến lược dạy học chương trình làm văn phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh.

**8. Nội dung tóm tắt:**

Chuyên đề nghiên cứu các kiến thức nền tảng của thuyết đa trí tuệ; thuyết đa trí tuệ và sự phát triển của bản thân, thuyết đa trí tuệ và các dạng trí tuệ của học sinh, thuyết đa trí tuệ và các kỹ năng nhận thức, thuyết đa trí tuệ và các chiến lược dạy học chương trình làm văn phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh.

### **9. Đánh giá kết quả:**

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

### **10. Nội dung chi tiết học phần:**

#### **Chương 1: Các nền tảng của thuyết đa trí tuệ**

- 1.1. Mô tả tóm tắt 8 dạng trí tuệ
- 1.2. Các điểm mấu chốt trong thuyết đa trí tuệ
- 1.3. Quan hệ giữa thuyết đa trí tuệ với các thuyết khác về trí thông minh.

#### ***Nội dung thực hành:***

- Dựa vào biểu đồ tóm tắt 8 dạng trí tuệ, phân tích các dạng trí tuệ thường cùng làm việc với nhau theo những thể thức phức tạp.
- Phân tích khả năng phát triển mỗi dạng trí tuệ tới một mức độ thích đáng trong mỗi học sinh qua đặc thù môn học.

#### **Chương 2: Thuyết đa trí tuệ và sự phát triển của bản thân**

- 2.1. Nhận dạng trí tuệ của bạn
- 2.2. Sự khơi nguồn cho các nguyên liệu đa trí tuệ
- 2.3. Phát triển các dạng trí tuệ của bạn
- 2.4. Các nhân tố hoạt hóa và phi hoạt hóa của trí tuệ

***Nội dung thực hành:*** Hãy khai thác biệt tài của các bạn và những ảnh hưởng của chúng trong môn học làm văn.

#### **Chương 3: Các dạng trí tuệ ở học sinh**

- 3.1. Tám cách học tập của thuyết đa trí tuệ
- 3.2. Đánh giá các dạng trí tuệ của học sinh

***Nội dung thực hành:*** Phân tích, thử nghiệm một số công cụ trắc nghiệm trí tuệ của học sinh và đánh giá các dạng trí tuệ của học sinh trong nhà trường.

#### **Chương 4: Thuyết đa trí tuệ và kỹ năng nhận thức**

- 4.1. Thuyết đa trí tuệ và các mức trong thang độ nhận thức của Bloom
- 4.2. Trí nhớ
- 4.3. Giải quyết vấn đề

4.4. Khởi dậy những cuộc đấu trí kiểu gây tranh cãi hay tạo bối cảnh tranh luận, đưa ra nhiều viễn cảnh, đặt bản thân vào các tình huống, bối cảnh phải giải quyết.

**Nội dung thực hành:** Thực trạng kỹ năng nhận thức của học sinh qua các chủ đề làm văn trong nhà trường.

### **Chương 5: Tư duy sáng tạo và chiến lược phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh qua dạy học tạo lập văn bản**

5.1. Khái niệm tư duy sáng tạo

5.2. Phân biệt sáng tạo trong hoạt động tạo lập văn bản của học sinh và sáng tạo của nhà khoa học

5.3. Đặc trưng, cấu trúc của tư duy sáng tạo

5.4. Vai trò của tư duy sáng tạo

5.5. Chiến lược dạy học phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh

5.5.1. Đọc văn bản mẫu (ngữ liệu)

5.5.2. Động não

5.5.3. Khảo sát tổng thể văn bản mẫu

5.5.4. Phát biểu, tranh luận

5.5.5. Ghi nhớ các nội dung chính cần đạt của bài học

5.5.6. Vận dụng viết sáng tạo theo chủ đề

5.5.7. Thuyết trình trước lớp

5.5.8. Lắng nghe và phản hồi tích cực

#### ***Nội dung thực hành:***

- Phân tích đặc trưng của một học sinh có tư duy sáng tạo trong làm văn.
- So sánh dạy học phát triển tư duy sáng tạo và dạy học áp đặt.
- Phân tích các điều kiện để phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy học làm văn
- Thiết kế câu hỏi, bài tập, tình huống, tiêu chí đánh giá trình độ tư duy sáng tạo của học sinh trong dạy học làm văn

#### **11. Tài liệu tham khảo:**

1. Jean Piaget (2001), Tâm lý học và giáo dục học, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Lê Văn Hồng (2001), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Phạm Thành Nghị (2013), Tâm lý học sáng tạo, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Nguyễn Như Hải (2009), Giáo trình logic học đại cương, NXB Giáo dục Việt Nam



5. Phan Trọng Luận (1969), Rèn luyện tư duy qua giảng dạy văn học, NXB Giáo dục Việt Nam
6. Hoàng Anh chủ biên (2009), Hoạt động, giao tiếp, nhân cách, NXB Đại học sư phạm Hà Nội
7. Bùi Minh Toán (2015), Ngôn ngữ với văn chương, NXB Đại học sư phạm Hà Nội
8. Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên (1994), Muốn viết được bài văn hay, NXB Giáo dục Việt Nam
9. Phan Trọng Luận (2011), Văn chương bạn đọc sáng tạo, NXB Đại học sư phạm
10. Trường đại học sư phạm Hà Nội (2016), Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm, NXB Giáo dục Việt Nam.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
12. Lê A – Nguyễn Quang Ninh (2011), Phương pháp dạy học Tiếng Việt, NXB Giáo dục Việt Nam
13. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn cấp THPT theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Lưu hành nội bộ.
14. Lê Thị Phượng (2015), Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương ở THCS, NXB Đại học sư phạm Hà Nội
15. Dự án Việt Bỉ (2010), Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, NXB Đại học sư phạm
16. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học sư phạm.
17. Eichhorn,R (2014), Developing thinkinh skill: Critical thinking at the army managenment staff college. Retrieved from <http://www.au.af.mil/au/awc/awcgate/army/critical/roy.htm>
18. Reddington, D (2002), Developing critical thinking skill in the ABE classroom. Retrieved From [http://www.nhadulted.org/grants/A11\\_Developing\\_Critical\\_thinking\\_skill.pdf](http://www.nhadulted.org/grants/A11_Developing_Critical_thinking_skill.pdf)

#### **2.1.14. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN Ở BẬC PHỔ THÔNG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH**

**1. Tên chuyên đề:** Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở bậc phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh

**2. Mã chuyên đề:** PPGD6014

**3. Tên tiếng Anh:** Inspect and evaluate learning outcomes in Philology at high school oriented student capacity development

**4. Khối lượng:** 2 Tín chỉ ( Lý thuyết: 25 giờ, Bài tập/ Thảo luận: 10 giờ )

**5. Giảng viên phụ trách:** PGS.TS Lê Thị Phượng; GS.TS. Lê A; TS. Phạm Thị Anh; PGS.TS. Hoàng Thị Mai

**6. Đối tượng tham dự:** Tất cả nghiên cứu sinh ( NCS) chuyên ngành LL & PPDH Văn - TV

**7. Mục tiêu của học phần:**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về năng lực học sinh phổ thông, chương trình đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực, phương pháp, kĩ thuật thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở THPT và THCS theo hướng phát triển năng lực học sinh. Trên cơ sở đó, NCS có khả năng phát triển lí thuyết kiểm tra đánh giá nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội.

**Chuẩn đầu ra của học phần:**

Học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

- Hiểu một cách có hệ thống chương trình đánh giá PISA và bộ đánh giá năng lực B.loom;

- Phân tích những điểm khác biệt giữa đánh giá chất lượng học tập của PISA, đánh giá năng lực của B.loom và thực trạng đánh giá kết quả học tập hiện nay trong nhà trường phổ thông Việt Nam.

- Phân tích những điểm khác biệt giữa đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận kiến thức và đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực người học trong môn học Ngữ văn.

- Vận dụng lí thuyết của đánh giá PISA và đánh giá năng lực của B.loom vào việc thiết kế, xây dựng các công cụ kiểm tra đánh giá, hình thức kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội.

**8. Nội dung tóm tắt:**

Học phần nghiên cứu những vấn đề chung về kiểm tra đánh giá trong giáo dục; Bộ đánh giá năng lực B.loom và Chương trình đánh giá của PISA; Nghiên cứu, lựa chọn những điểm khác biệt tiến bộ của 2 bộ đánh giá trên áp dụng vào

việc đổi mới công cụ kiểm tra đánh giá, hình thức kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh phổ thông theo hướng phát triển năng lực người học phù hợp với xu hướng hội nhập giáo dục quốc tế.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ dự giờ giảng: 20%
- Kiểm tra định kỳ: 30%
- Thi kết thúc học phần: 50%

10. Nội dung chi tiết học phần:

### **Chương 1: Những vấn đề chung về kiểm tra đánh giá trong giáo dục**

1.1. Các định nghĩa kiểm tra đánh giá

1.2. Một số khái niệm khác liên quan đến kiểm tra đánh giá

1.3. Vai trò của kiểm tra đánh giá

1.4. Các loại hình đánh giá

1.5. Lí thuyết khảo thí cổ điển và khảo thí hiện đại

1.6. Quy trình và năng lực thiết lập một kế hoạch đánh giá trên lớp phù

hợp

#### ***Nội dung thực hành:***

1. Phân biệt các khái niệm cơ bản liên quan đến kiểm tra đánh giá. Chú ý lập luận làm nổi bật dấu hiệu nhận biết thông qua ví dụ minh họa.

2. Thảo luận về quy trình đánh giá và xây dựng một kế hoạch đánh giá cụ thể trên lớp học.

### **Chương 2: Đánh giá PISA (Programme for International Student Assessment )**

2.1. PISA – Chương trình “Kiểm định chất lượng học sinh quốc tế”

2.2. Mục đích của PISA

2.3. Những điểm khác biệt của PISA

2.4. Cách thức tổ chức PISA

2.5. Phương thức đánh giá của PISA

2.6. Nguyên tắc đo các năng lực của PISA

2.7. Các phạm vi nội dung

2.8. Các phiếu khảo sát nền và mục đích sử dụng

2.9. Những ý kiến phê phán khảo sát của PISA

1.10. Những nhóm học sinh có kết quả tồi tại PISA

#### ***Nội dung thực hành:***

1. So sánh sự khác biệt giữa đánh giá chất lượng học tập của PISA và đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Việt Nam.

2. Phân tích những điểm tiến bộ của đánh giá PISA áp dụng phù hợp vào đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam hiện nay.

3. Vận dụng đánh giá PISA vào xây dựng các công cụ (câu hỏi, bài tập, đề thi) kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT và THCS.

### **Chương 3: Bộ đánh giá năng lực Bloom**

3.1. Thang đo nhận thức - Bloom năm 1956

3.2. Phiên bản thang đo tư duy - Anderson năm 1999

3.2. Thang đo thái độ - Bloom năm 1956

3.3. Thang đo kỹ năng - Bloom năm 1956

#### ***Nội dung thực hành:***

1. So sánh thang đo nhận thức của Bloom và Phiên bản của Anderson. Chú ý làm nổi bật những ưu điểm và hạn chế khi áp dụng 2 bộ thang đo vào đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở phổ thông hiện nay.

2. So sánh đánh giá PISA và bộ đánh giá năng lực của Bloom để tìm ra những điểm giống và khác tích cực có thể áp dụng vào đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở phổ thông hiện nay.

3. Vận dụng đánh giá của Bloom vào xây dựng các công cụ (đề thi, câu hỏi, bài tập) đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh phổ thông.

### **Chương 4: Đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở THPT, THCS theo hướng phát triển năng lực học sinh**

4.1. Khái niệm năng lực và đánh giá năng lực

4.2. Năng lực của học sinh phổ thông

4.3. Tại sao phải đánh giá năng lực

4.4. So sánh đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kỹ năng

4.5. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá phát triển năng lực

4.6. Kỹ thuật biên soạn câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực

4.7. Đánh giá kỹ năng đọc và kỹ năng viết trong môn Ngữ văn theo thang đo nhận thức của Bloom.

#### ***Nội dung thực hành:***

1. Thảo luận đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kỹ năng. Chú ý lập luận làm nổi bật dấu hiệu nhận biết qua ví dụ minh họa cụ thể.

2. Thảo luận đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức. Chú ý lập luận làm nổi bật dấu hiệu nhận biết qua ví dụ minh họa cụ thể.

3. Biên soạn câu hỏi (câu hỏi đọc hiểu, câu hỏi tiếng Việt) kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn phát triển năng lực

4. Kỹ thuật biên soạn đề làm văn phát triển năng lực

5. Sử dụng đánh giá định tính và đánh giá định lượng trong đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn

6. Kỹ thuật thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá trên lớp học theo hướng phát triển năng lực.

## **11. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Phương Hoa chủ biên (2015), PISA và những vấn đề của giáo dục Việt Nam, NXB Đại học sư phạm

2. Nguyễn Công Khanh chủ biên (2014), Kiểm tra đánh giá trong giáo dục, NXB Đại học sư phạm

3. Nguyễn Công Khanh (2004), Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội

4. Nguyễn Thúy Hồng (2007), Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT và THCS, NXB Giáo dục Việt Nam

5. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn cấp THPT theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Lưu hành nội bộ.

6. Trường đại học sư phạm Hà Nội (2016), Đổi mới nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường sư phạm, NXB Giáo dục Việt Nam.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

8. Lê A – Nguyễn Quang Ninh (2011), Phương pháp dạy học Tiếng Việt, NXB Giáo dục Việt Nam

9. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học sư phạm.

10. Dự án Việt Bỉ (2010), Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, NXB Đại học sư phạm

11. Lê Thị Phương (2015), Phương pháp dạy học Ngữ văn địa phương ở THCS, NXB Đại học sư phạm Hà Nội

### **2.1.15. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THEO QUAN ĐIỂM TÍCH HỢP**

1. Tên học phần: **Dạy học tiếng Việt theo quan điểm tích hợp**

2. Mã học phần: PPBT6015

3. Tên tiếng Anh:

4. Khối lượng: 2TC (Lý thuyết: 25 giờ; Bài tập/Thảo luận: 10 giờ)

5. Giáo viên phụ trách: TS. Phạm Thị Anh

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh (NCS) chuyên ngành Phương pháp dạy học Bộ môn Văn & tiếng Việt.

7. Mục tiêu của chuyên đề:

Học phần này nhằm đem lại cho NCS:

- Cơ sở khoa học và thực tiễn của quan điểm tích hợp trong dạy học tiếng Việt.

- Lựa chọn, xây dựng các nội dung tiếng Việt trong mối quan hệ tích hợp với các môn học khác, trong đó chủ yếu là tích hợp với Đọc văn và Làm văn.

- Lựa chọn, sử dụng các phương pháp, các hình thức dạy học tiếng Việt theo quan điểm tích hợp.

- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về việc dạy học tiếng Việt theo hướng liên ngành, liên môn.

**Chuẩn đầu ra của học phần:**

Sau khi học xong học phần này, NCS có khả năng:

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa, sự thể hiện của quan điểm tích hợp trong dạy học tiếng Việt.

- Vận dụng quan điểm tích hợp trong việc xây dựng chương trình, lựa chọn phương pháp dạy học tiếng Việt trong mối quan hệ với các phân môn khác, đặc biệt là với Đọc hiểu và Làm văn.

- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu liên ngành và chuyên sâu về quan điểm tích hợp trong dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

8. Nội dung tóm tắt:

Môn học nghiên cứu chuyên sâu về quan điểm tích hợp trong dạy học tiếng Việt. Nội dung quan điểm tích hợp được cụ thể hóa trên các phương diện: nguyên tắc tích hợp, nội dung tích hợp, phương pháp tích hợp. Các phương diện này được vận dụng đồng bộ trong dạy học tiếng Việt với các phân môn khác, trong đó tập trung là tích hợp dạy học tiếng Việt với Đọc văn, với Làm văn.

9. Đánh giá kết quả:

- Mức độ giờ giảng

- Kiểm tra định kỳ: 30%

- Thi kết thúc chuyên đề: 70%

10. Nội dung chi tiết chuyên đề:

### Chương 1:

#### **Những vấn đề chung về quan điểm tích hợp**

1.1. Xu hướng tích hợp trong dạy học hiện nay

1.1.1. Quan niệm về tích hợp

1.1.2. Cơ sở khoa học của quan điểm tích hợp trong giáo dục

1.2. Tích hợp trong dạy học Ngữ văn

1.2.1. Cơ sở khoa học của việc vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học  
Ngữ văn

1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học  
Ngữ văn

*Nội dung thực hành:*

- Tìm hiểu nội dung phần tiếng Việt trong CT, Sách giáo khoa từ Cải cách giáo dục đến giai đoạn hiện hành theo hướng tích hợp với Đọc văn và Làm văn

- Phân tích ưu điểm, nhược điểm nội dung phần tiếng Việt trong mối quan hệ với Đọc văn và Làm văn ở SGK từ CCGD đến giai đoạn hiện hành.

### Chương 2:

#### **Tích hợp dạy học tiếng Việt với Đọc văn ở trường phổ thông**

2.1. Nội dung phần tiếng Việt ở Sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông

2.1.1. Cách xây dựng nội dung phần tiếng Việt

2.1.2. Mối quan hệ biện chứng giữa tiếng Việt với Đọc văn

2.2. Lựa chọn các phương diện tích hợp trong dạy học tiếng Việt với Đọc văn

2.2.1. Phương diện ngữ âm

2.2.2. Phương diện từ ngữ

2.2.3. Phương diện ngữ pháp

2.2.4. Phương diện phong cách

2.3. Các phương pháp, thủ pháp, hình thức tích hợp dạy học tiếng Việt với Đọc văn

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học một số tiết tiếng Việt trong mối quan hệ với các tác phẩm văn chương.

### Chương 3:

#### **Tích hợp dạy học tiếng Việt với Làm văn ở trường phổ thông**

3.1. Nội dung phần Làm văn ở Sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông

3.2. Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc tích hợp trong dạy học tiếng Việt với Làm văn

3.3. Các phương pháp, thủ pháp, hình thức tích hợp dạy học tiếng Việt với Làm văn

*Nội dung thực hành:*

- Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy học một số tiết tiếng Việt trong mối quan hệ với nội dung phần Làm văn ở Sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông.

## **11. Tài liệu tham khảo chính**

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2005), *Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV THPT về đổi mới phương pháp dạy học môn ngữ văn* (Dự án phát triển giáo dục THPT - Trường ĐHSP Hà Nội - Viện nghiên cứu sư phạm).

3. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *CT giáo dục phổ thông cấp THPT*, NXB Giáo dục.

4. Bộ giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng GV thực hiện CT SGK lớp 10, lớp 11, lớp 12 môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.

5. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THCS*, Vụ giáo dục trung học.

6. Bộ giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh, môn Ngữ văn, cấp THPT*, Vụ giáo dục trung học.

7. Bùi Minh Toán (2010), *Tiếng Việt ở Trung học phổ thông*, Nhà xb Đại học Sư phạm, H.

### **2.1.16. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

1. Tên chuyên đề: Những quan điểm cơ bản của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.

2. Mã chuyên đề: PPGD6016

3. Tên tiếng Anh: Basic point of views Vietnamese teaching method in school

4. Khối lượng: 2 Tín chỉ ( Lý thuyết: 25 giờ, Bài tập/ Thảo luận: 10 giờ )



5. Giảng viên phụ trách: GS.TS. Lê A; TS. Phạm Thị Anh; PGS.TS. Nguyễn Quang Ninh; PGS.TS. Hoàng Thị Mai; PGS.TS Lê Thị Phương;

6. Đối tượng tham dự: Tất cả nghiên cứu sinh ( NCS) ngành Văn học Việt Nam

7. Mục tiêu của học phần:

Học xong chuyên đề này, NCS có khả năng:

*a. Tri thức*

Phân tích được cơ sở, nội dung và sự thể hiện của các quan điểm cơ bản trong dạy học Tiếng Việt.

*b. Kỹ năng*

- Vận dụng những tri thức thu nhận được để phân tích và đánh giá được chương trình, tài liệu dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông.

- Phát hiện và giải quyết được vấn đề thỏa mãn những quan điểm cơ bản trong dạy học Tiếng Việt .

#### **4. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đi sâu nghiên cứu cơ sở khoa học, sự thể hiện của các quan điểm cơ bản trong dạy học Tiếng Việt ở trường phổ thông. Vận dụng những quan điểm cơ bản đó để phân tích, đánh giá, phát hiện và giải quyết các vấn đề cần nghiên cứu.

NCS sưu tầm các tài liệu có liên quan, hệ thống hóa các thành tựu nghiên cứu, trao đổi thảo luận với đồng nghiệp và các bộ hướng dẫn để chiếm lĩnh các kiến thức cơ bản và vận dụng chúng vào quá trình nghiên cứu của mình.

#### **5. Nội dung chi tiết học phần**

##### **Chương 1: Quan điểm giao tiếp**

1.1. Khái niệm về quan điểm giao tiếp

1.1.1. Định nghĩa

1.1.2. Dạy học các kỹ năng giao tiếp

1,1,3, Dạy học trong giao tiếp

1.1.4. Dạy học bằng giao tiếp

1.1.5. Dạy học để giao tiếp

1.2. Cơ sở khoa học của quan điểm giao tiếp

1.2.1. Yêu cầu của xã hội

1.2.2. Quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ

1.2.3. Quy luật thủ đắc ngôn ngữ của mỗi cá nhân

1.2.4. Chức năng xã hội của ngôn ngữ

1.3. Sự thể hiện của quan điểm giao tiếp

- 1.3.1. Xác định mục tiêu dạy học Tiếng Việt
- 1.3.2. Lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dạy học
- 1.3.3. Dạy học từ ngữ theo quan điểm giao tiếp
- 1.3.4. Dạy học câu theo quan điểm giao tiếp
- 1.3.5. Dạy học văn bản theo quan điểm giao tiếp
- 1.3.6. Kiểm tra đánh giá theo quan điểm giao tiếp

## **Chương 2:** *Quan điểm dạy học tích cực*

- 2.1. Khái niệm về quan điểm tích cực
  - 2.1.1. Định nghĩa
  - 2.1.2. Đặc trưng của dạy học tích cực
- 2.2. Cơ sở khoa học của quan điểm tích cực
  - 2.2.1. Yêu cầu của xã hội
  - 2.2.2. Cơ sở tâm lí
  - 2.2.3. Cơ sở giáo dục
  - 2.2.4. Cơ sở ngôn ngữ
- 2.3. Sự thể hiện của quan điểm tích cực
  - 2.3.1. Xác định mục tiêu dạy học
  - 2.3.2. Lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực

## **Chương 3:** *Quan điểm dạy học tích hợp*

- 3.1. Khái niệm về quan điểm tích hợp
  - 3.1.1. Định nghĩa
  - 3.1.2. Đặc trưng của dạy học tích hợp
- 3.2. Cơ sở khoa học của quan điểm dạy học tích hợp
  - 3.2.1. Yêu cầu xã hội
  - 3.2.2. Đặc trưng của khoa học Ngữ văn
- 3.3. Sự thể hiện của quan điểm tích hợp
  - 3.3.1. Xây dựng chương trình tích hợp
  - 3.3.2. Tích hợp dạy học Tiếng Việt với dạy học Đọc hiểu
  - 3.3.3. Tích hợp dạy học Tiếng Việt với dạy học Làm văn
  - 3.3.4. Tích hợp dạy học Tiếng Việt với dạy học các môn học khác và với cuộc sống
  - 3.3.5. Kiểm tra đánh giá theo quan điểm tích hợp

## **6. Học liệu**

- Giáo trình chính (bắt buộc)

- (1) Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán; *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*; NXB GD 1996
- (2) Bộ Giáo dục & Đào tạo; *Dạy và học tích cực- một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*; NXB ĐHSP; 2010
- (3) Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán; *Ngôn ngữ học đại cương*, tập 2; NXB GD; 2001
- (4) Đỗ Hữu Châu; Đỗ Việt Hùng; *Dụng học*; NXB ĐHSP; 2002
- (5) Nguyễn Khắc Phi; *Tích hợp- một nét nổi bật trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn bậc THCS*; NXB GD; 2002
- (6) Bùi Minh Toán; *Từ trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*; NXB GD 1999  
- Tài liệu tham khảo:
- (7) Lê A, Lê Minh Thu, Nguyễn Thị Thúy; *Dạy học Ngữ văn 6,7,8,9 theo hướng tích hợp*; NXB ĐHSP; 2007
- (8) Bộ Giáo dục & Đào tạo; *Chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn THCS và THPT*

#### **4. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

##### **4.1. Nghiên cứu khoa học**

Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải tham gia đầy đủ, viết báo cáo khoa học liên quan đến chuyên đề tiến sĩ của mình và báo cáo tại các buổi sinh hoạt khoa học hằng năm của Khoa đào tạo; viết ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đánh giá điểm công trình đến 1 điểm, đồng thời thuộc danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài cơ sở đào tạo.

##### **4.2. Luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ được thực hiện và đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu quy định tại Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ (*Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*); Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (*ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và quy định của trường đại học Hồng Đức.



## **Phần thứ ba**

### **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn nghiên cứu sinh, bộ môn phụ trách đào tạo nghiên cứu sinh và Hội đồng Khoa học - Đào tạo cấp khoa sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Bộ môn phụ trách đào tạo nghiên cứu sinh xây dựng kế hoạch học tập theo đề xuất của Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Tổ chức dạy học và đánh giá học phần bổ sung:

- Đối với các học phần bổ sung theo yêu cầu ở trình độ đào tạo đại học: Căn cứ yêu cầu cụ thể các học phần của từng nghiên cứu sinh, trường Đại học Hồng Đức sẽ bố trí và yêu cầu nghiên cứu sinh theo học cùng với các lớp đại học tại trường.

- Đối với các học phần bổ sung trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ: Nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại trường Đại học Hồng Đức.

- Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá các học phần bổ sung theo yêu cầu ở trình độ đào tạo đại học, học phần bổ sung ở trình độ đào tạo tiến sĩ và học phần tiến sĩ được thực hiện theo qui chế đào tạo theo tín chỉ tại trường Đại học Hồng Đức, ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHHĐ, ngày 26/2/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, bộ môn, khoa và nhà trường phải tổ chức để nghiên cứu sinh hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan ở trình độ tiến sĩ; thời gian, nội dung, yêu cầu, quy trình làm luận án và bảo vệ luận án tiến sĩ được thực hiện theo Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ (*Ban*

*hành kèm theo Thông tư số 10 /2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định cụ thể của trường đại học Hồng Đức./.*

....., ngày tháng năm 2016 ..... , ngày tháng năm 2016

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ THẨM ĐỊNH  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC  
HIỆU TRƯỞNG**

**TS. PHẠM THỊ HẰNG**

**PGS.TS. NGUYỄN MẠNH AN**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;
2. Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường đại học;
3. Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ; Thông tư số 05/2012/TT – BGDĐT ngày 15/2/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo;
4. Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
5. Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
6. Quyết định số 867/TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo Sau đại học.
7. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt của trường đại học Sư phạm Hà Nội; Đề án, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, chuyên đề đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam của trường đại học Hồng Đức.

**Phần thứ năm**  
**PHỤ LỤC**



**Phụ lục 1**

**BIÊN BẢN THÔNG QUA HỒ SƠ CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC  
VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**Phụ lục 2**  
**BIÊN BẢN KIỂM TRA**  
**CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA**

**Phụ lục 3**

**BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**Phụ lục 4**  
**QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH,**  
**TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIÊN SĨ CỦA TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**Phụ lục 5**

**LÍ LỊCH KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU  
THAM GIA GIẢNG DẠY TIÊN SĨ CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN  
& PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VĂN - TIẾNG VIỆT**

**Phụ lục 6**

**BẢN SAO QUYẾT ĐỊNH, BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC,  
BÀI BÁO CỦA GIẢNG VIÊN CƠ HỮU THAM GIA GIẢNG DẠY TIÊN SĨ  
CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DH VĂN – TIẾNG VIỆT**